

NGHĨ VỀ LÒNG YÊU TRẺ CỦA BÁC HỒ KÍNH YÊU!

■ NGUYỄN VIỆT CHÍNH



Yêu trẻ cũng là một trong những đạo lý truyền thống tốt đẹp mang tính nhân văn cao quý của dân tộc ta từ xưa đến nay. Trong quá trình phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam, đã có biết bao tấm gương qua các thời kỳ thể hiện tinh thần đạo lý đó, nhưng một trong những tấm gương tiêu biểu sáng ngời nhất phải kể đến Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị Lãnh tụ, người Cha già kính yêu của dân tộc. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Người đã để lại cho chúng ta biết bao câu chuyện về lòng yêu trẻ của mình, những câu chuyện đó đã trở thành những biểu tượng độc đáo về “*phong cách đạo đức Hồ Chí Minh*” trong thời đại của chúng ta.

Hẳn trong mỗi một chúng ta hiện nay, hay nhiều thế hệ cha anh trước đây và tin rằng sẽ là mãi mãi về sau,

trong hành trang vào đời của mình sẽ không thiếu những câu chuyện kể về lòng yêu trẻ của Bác - một tình yêu trẻ rất Hồ Chí Minh. Trong bức thư gửi cho trẻ em nhân dịp Tết Trung thu của năm độc lập đầu tiên (1945), điều mà Bác đề cập đầu tiên để giải đáp cho câu hỏi “*Các em vui cười hơn hở, Già Hồ cũng vui cười hơn hở với các em. Đó các em biết vì sao?*” lại chính là vì “*Già Hồ rất yêu mến các em!*”. Nhưng không phải yêu mến để nuông chiều. Yêu mến, mong muốn, khuyên răn và đòi hỏi. Nào là, em nào chưa biết chữ quốc ngữ thì phải học cho biết. Phải siêng năng tập thể thao, rèn luyện sức khỏe, phải ra sức giúp việc cho Nhi đồng cứu vong hội. Những mong muốn đòi hỏi của Bác đâu có gì là cao xa, khó thực hiện, Bác thường nêu ra những vấn đề rất cụ thể như “*Các em phải ngoan, ở nhà phải nghe lời bố mẹ, đi học phải siêng năng; đối với bầu bạn phải yêu kính...*”. Điều mà Bác theo đuổi suốt cuộc đời mình Bác cũng đã thể hiện trong một bài viết đăng trên báo Cứu quốc, số 49, ngày 22-9-1945 là: “*Trẻ em Việt Nam sung sướng! Việt Nam độc lập muôn năm!*”. Rồi tờ báo **Thiếu sinh**- tờ báo của trẻ em và cho trẻ em đầu

tiên ra đời. Trong báo *Thiếu sinh* số 1, ra ngày 1-10-1945, ngay lập tức đã xuất hiện những lời nhắn nhủ ân cần của Bác: “...*Báo trẻ em đã ra đời. Báo đó là báo của trẻ em vậy các em nên giúp cho báo: Gửi tin tức, tranh vẽ và viết bài cho báo. Nên đọc cho trẻ em chưa biết chữ nghe. Nên làm cho báo phát triển*”. Phần lớn chúng ta luôn nghĩ về Bác và làm theo lời Bác. Nhưng hiện nay, một số nơi, một số tổ chức đã không làm đúng theo lời Bác Hồ dạy. Ngày 15-10-1945, trong một bài viết đăng trên báo Cứu quốc số 67, Bác rất mong nhận được thư của các cháu thiếu nhi viết cho mình, nhưng Bác khuyên rằng: “*Viết thư thì các cháu tự viết, nghĩ sao viết vậy, chớ mượn người khác viết*”. Nhưng hiện nay, trong rất nhiều cuộc thi tìm hiểu, do chạy theo thành tích, do lẽ thói tắc trách, cầu thả trong làm việc, một phần các em bị người lớn biến thành những cái máy phô tô cốp pi. Hàng ngàn, hàng vạn bài dự thi giống nhau. Tốn rất nhiều thời gian và tiền của nhưng chả được ích lợi gì. Bác từng dạy thanh thiếu nhi rằng “*Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ*”, thanh thiếu nhi cần “*thực hành đời sống mới*”... Đó là: “*Hăng hái, kiên quyết, không sợ khó, không sợ khổ; Phải siêng học, phải siêng làm, phải tiết kiệm*”. Nơi nào, việc nào làm trái lời Bác dạy cần kiên quyết dứt bỏ, nhất là những việc liên

quan đến trẻ em. Đó không những là sự đền đáp tấm lòng vì trẻ em của Bác, mà còn là trách nhiệm với trẻ em trước anh linh Bác. Tôi thực sự cảm thấy xấu hổ. Xấu hổ vì có lúc phải chạy theo phong trào đã không tin ở các em. Đã tự mình làm thay hay lấy từ những nơi khác để làm thay cho các em. Tự xấu hổ vì cách đây gần 70 năm, phát biểu tại Hội nghị văn hóa toàn quốc tại Hà Nội ngày 24-11-1946, Bác đã dặn dò Hội nghị “*Hãy chú ý đặc biệt đến nhi đồng*”. Bác rất tin trẻ em Việt Nam. Bác nói: “*Nhi đồng Việt Nam đã tiến bộ nhiều về văn hóa. Cứ xem mỗi khi có công việc gì thích hợp để làm, các em đã làm rất tài tình*”. Bác lấy ngay ví dụ “*như cần tuyên truyền Đời sống mới, cần chống nạn mù chữ, các em diễn được ngay những vở kịch ngắn, vui mà khéo biết bao!*”...

Tuy nhiên, tôi thích nhất ở Người là sự thể hiện tình cảm yêu mến thiếu nhi của mình qua những vần thơ Người viết về các em, viết cho các em. Còn nhớ, trước Cách mạng tháng Tám 1945, Người đã có liên tục một số bài thơ về trẻ em, Bác đã bộc lộ tình thương gần như là tuyệt đối của mình đối với thiếu nhi, giọng thơ Bác thật nâng niu, ấm áp “*Trẻ em như búp trên cành...*”. Chính vì thế mà Bác khẳng định: “*Bao giờ đánh đuổi Nhật, Tây/ Trẻ em ta sẽ là bầy con cưng*”. Cách mạng tháng Tám 1945 thành công. Cuộc kháng chiến chống thực dân

Pháp xâm lược lần thứ hai lại bắt đầu, dù bận rộn với muôn vàn công việc, dù phải ứng phó với bao khó khăn, gian nan, nguy hiểm, nhưng lòng Bác vẫn luôn nghĩ về thiếu nhi. Các em làm được việc tốt, dù nhỏ, Bác có thư khen ngợi. Ví như thư khen ngợi cháu Nguyễn Thị Lương ở xã Minh Quang, huyện Bất Bạt bởi “...cháu đã chịu khó đi mót lúa, bán lấy tiền để giúp bộ đội. Thế là yêu nước...” (Báo Cứu quốc số 1892, ngày 27-8-1951). Hay thư khen tặng hai em nhi đồng liên lạc trong bộ đội chiến khu II là Phạm Đỗ Hải và Lê Văn Thúc. Với Hải, Bác viết: “*Bác được tin rằng/ Cháu làm liên lạc/ Bị giặc bắt được/ Lại trốn thoát ngay/ Mang hai lính Tây/ Theo về bộ đội/ Thế là cháu giỏi/ Biết cách tuyên truyền/ Bác gửi lời khen/ Khuyên cháu gắng sức...*”. Với Thúc, Bác cũng có lời khen “*Cháu có can đảm/ Giơ súng dọa Tây/ Bắt nó hàng ngay/ Lấy được súng nó...*”. Đặc biệt, Tết Trung thu 1952, Bác đã có thư gửi các cháu nhi đồng ở trong và ngoài nước. Cuối thư, Bác có viết ba khổ thơ 12 câu, lời thơ mộc mạc, giản dị, tự nhiên thân mật nói lên tình cảm thật đặc biệt của Bác đối với thiếu nhi: “*Ai yêu các nhi đồng/ Bằng Bác Hồ Chí Minh/ Tính các cháu ngoan ngoãn/ Mặt các cháu xinh xinh/ Mong các cháu cố gắng/ Thi đua học và hành/ Tuổi nhỏ làm việc nhỏ/ Tùy theo sức*

của mình...”. Kết thúc là lời thơ, lời căn dặn ấm áp, đầy tình thương yêu bao la của Bác: “*Các cháu hãy xứng đáng/ Cháu Bác Hồ Chí Minh!*”. Cuộc chiến chống thực dân Pháp đang diễn ra quyết liệt, nhưng khi Tết Trung thu đến, Bác vẫn dành cho thiếu nhi một tình cảm nồng đượm, thấm thiết nhất. Mở đầu thư Trung thu gửi các cháu nhi đồng năm 1951, Bác viết: “*Trung thu trăng sáng như gương/ Bác Hồ ngắm cảnh nhớ thương nhi đồng/ Sau đây Bác viết mấy dòng/ Gửi cho các cháu tỏ lòng nhớ nhung*”. Lời thơ mộc mạc đó đã thể hiện một tình thương yêu mênh mông biết dường nào. Trung thu năm 1953, với niềm vui lớn về những chiến thắng của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của tuổi thơ cả nước. Bác lại gửi đến các cháu một “Bài thơ Trung thu” trọn vẹn: “*9 Tết Trung Thu/ 8 năm kháng chiến/ Các cháu khôn lớn/ Bác rất vui lòng/ Thu này Bác gửi thơ chung/ Bác hôn các cháu khắp vùng gần xa/ Thu này hơn những thu qua/ Kháng chiến thắng lợi gấp ba, bốn lần...*”. Cuối bài thơ, với tâm lòng tràn đầy tình thương của người Cha, người Bác, người Ông, với dự cảm tài tình của vị lãnh tụ Cách mạng, Người vừa thổ lộ tình thương, vừa đưa ra lời dự báo cho thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp: “*Các cháu vui thay!/ Bác cũng vui thay! Thu sau*

so với thu này vui hơn”. Quả thực, khi chúng ta chưa bước vào mùa thu năm sau, thì tháng 5 năm 1954, quân và dân ta đã có chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu làm món quà đặc biệt dâng lên Người nhân 64 năm ngày sinh của Người. Thế nhưng, với dã tâm sen đầm của tên đế quốc cáo già, khi thực dân Pháp phải rút khỏi nước ta thì ngay lập tức, đế quốc Mỹ đã thò mặt đến. Cả nước lại bước vào cuộc trường chinh “*xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*”. Miền Nam yêu thương đang bị dày xéo dưới gót giày đinh của đế quốc Mỹ. Nhớ thương nhân dân miền Nam và các cháu thiếu nhi miền Nam tha thiết, Bác đã có những vần thơ sáng ngời niềm tin toàn thắng: “*Đến ngày Nam Bắc một nhà/ Các cháu xúm xít, thì ta vui lòng*” hay: “*Bắc Nam sẽ sum họp một nhà/ Bác cháu ta gặp mặt, trẻ già vui chung/ Nhớ thương các cháu vô cùng/ Mong sao mỗi cháu là một anh hùng thiếu nhi*” (Gửi các cháu miền Nam-1965). Thế nhưng, đến ngày Nam Bắc một nhà, đất nước thống nhất, trẻ thơ hai miền xúm xít cùng nhau, thì Bác đã đi xa. 40 năm trôi qua, cũng như đồng bào cả nước, lớp lớp thiếu nhi Việt Nam vẫn thấy Bác bên mình trong ngày vui đại thắng./.

N.V.C

*Tháng Năm nắng ấm Ba Đình
Cháu về bên Bác lung linh hoa cờ
Ba Đình thuở ấy mùa thu
Tuyên ngôn Bác đọc - Nước nhà
khai sinh
Hôm nay cháu đến nghiêng mình
Lòng ghi ơn Bác - Nghĩa tình bao la
Tuổi thơ có Bác cho quà
Bác hôn các cháu thật thà... Bác vui
Tháng Năm... về lại bên Người
Bâng khuâng cháu nhớ từng lời
Bác khuyên.*

NGUYỄN LOAN

*Ta lại hát bài ca “Như có Bác...”
Sau 40 năm Thống nhất Non sông
Đất nước hôm nay cờ hoa đỏ rực
Lại vang lên “Như có Bác...” vui cùng...*

NGUYỄN LOAN

SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC ĐƯA PHÁP LUẬT ĐẾN VỚI MỌI NHÀ

■ KHÁNH YÊN

Nước ta nói chung và tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng đang bước vào thời kì hội nhập và phát triển. Trình độ dân trí ngày càng được nâng lên. Các tầng lớp nhân dân hướng tới sống và làm việc theo hiến pháp, pháp luật. Tuy nhiên, dưới tác động của nền kinh tế thị trường và cơ chế mở cửa, một bộ phận trong xã hội có hành vi lệch chuẩn, vi phạm pháp luật.



Nguyên nhân dẫn tới tình trạng trên thì nhiều. Nhưng nhìn chung, vấn đề quan trọng nhất vẫn là việc người dân chưa hiểu biết pháp luật đầy đủ, chưa thấy hết những hành vi vi phạm pháp luật. Bên cạnh đó, hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh các lĩnh vực được ban hành nên hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) tuy được tăng cường nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu. Việc PBGDPL ở một số nơi còn mang tính hình thức. Bởi vậy, tiếp tục đưa pháp luật đến với mọi nhà, đến với mọi người là hết sức cần thiết.

Còn nhớ, trong một

bài phát biểu của mình, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hà Hùng Cường khẳng định: Cần phải xem PBGDPL là khâu đầu tiên, quan trọng nhất của việc đưa pháp luật vào trong cuộc sống. Còn Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính Nguyễn Hữu Lợi thì cho rằng, hiệu quả của công tác PBGDPL chính là việc nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của các đơn vị, cơ quan nhà nước, người thi hành công vụ, của cộng đồng, doanh nghiệp, nhân dân... những người trực tiếp tham gia các quan hệ xã hội do pháp luật điều chỉnh. PBGDPL phải là một quá trình liên tục, thường xuyên, các cấp, các ngành phải trực tiếp tham gia với nhiều phương thức tuyên truyền cụ thể, sinh

động; phải xây dựng nếp sống văn hóa pháp luật, tự giác chấp hành pháp luật và xử lý nghiêm minh, kịp thời, công khai những hành vi vi phạm pháp luật. Có như vậy hiệu quả công tác PBGDPL mới rõ ràng, bền vững.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, trong thời gian qua, các cơ quan chức năng của tỉnh mà nòng cốt là Sở Tư pháp đã có nhiều nỗ lực để thực hiện công tác PBGDPL. Thường xuyên củng cố kiện toàn Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, tăng cường đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật. Đến nay, có 81 Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, 200 Báo cáo viên pháp luật cấp huyện, 1.453 tuyên truyền viên pháp luật. Công tác tuyên truyền

PBGDPL được các đơn vị thực hiện bằng nhiều hình thức nhằm đưa chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đi vào cuộc sống, như: Thi tìm hiểu pháp luật, phát hành các tài liệu dưới dạng hỏi - đáp, tờ gấp pháp luật, đẩy mạnh hoạt động của các câu lạc bộ pháp luật, các phiên tòa xét xử lưu động. Tuyên truyền, PBGDPL thông qua hệ thống thông tin đại chúng có nhiều chuyển biến tích cực. Các chuyên trang, chuyên mục trên Báo, Đài Phát thanh - Truyền hình được củng cố, cải tiến và tăng về số lượng lẫn chất lượng, đặc biệt là các lĩnh vực mà người dân quan tâm... Bên cạnh việc thực hiện các nội dung tuyên truyền thường xuyên, các đơn vị đã đầu tư, đẩy mạnh thực hiện các nội dung, hình thức tuyên truyền hưởng ứng chủ đề năm của cả nước cũng như của tỉnh nhà như: “Năm Thanh niên”, “Năm An toàn giao thông”, “Năm giải tỏa đền bù, bố trí tái định cư và an sinh xã hội”... Qua thời gian thực hiện, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được một số kết quả nhất định. Ý thức chấp hành pháp luật của người dân được nâng cao. Trong năm 2015 này, công tác PBGDPL còn hướng tới các nhóm đối tượng mang tính đặc thù như: Người dân ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa; người lao động, người sử dụng lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn của tỉnh...

Để thực hiện tốt hơn nữa việc đưa pháp luật đến với mọi nhà, các cơ quan chức năng đã và đang tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật đã được phê duyệt, như: Tăng cường công tác PBGDPL cho thanh thiếu niên; PBGDPL về khiếu nại, tố cáo ở xã, phường, thị trấn; tuyên truyền, PBPL cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số... Ngoài ra, việc tổ chức thực hiện “Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” cũng được tổ chức với nhiều hình thức khá đa dạng như: Xây dựng các

chuyên trang, chuyên mục, tọa đàm, phóng sự chuyên sâu, phim tài liệu, tin, bài, ảnh; tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua các hình thức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tài liệu pháp luật, thi tìm hiểu pháp luật, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật; lồng ghép nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật với các hoạt động thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Xây dựng nông thôn mới”...

Đưa pháp luật đến với cán bộ, nhân dân để mọi người hiểu luật, sống, làm việc theo hiến pháp và pháp luật là một trong những biện pháp phòng chống tham nhũng, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội có hiệu quả mà Đảng bộ, chính quyền các cấp ở Thừa Thiên Huế đã và đang thực hiện. Hy vọng rằng, công tác này ngày càng có hiệu quả để đóng góp vào thành quả chung trong công cuộc xây dựng và phát triển tỉnh nhà.

K.Y

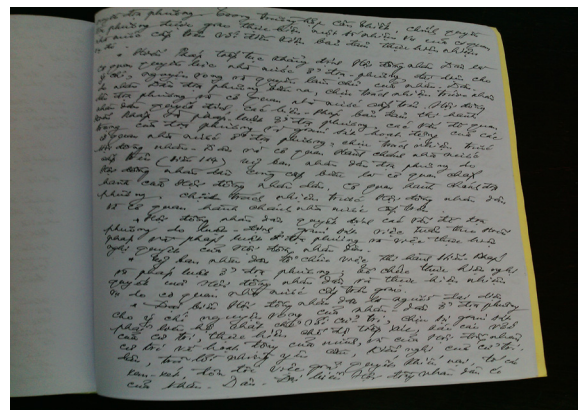
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY: KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU CUỘC THI VIẾT “TÌM HIỂU HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM”

■TRƯƠNG CƯỜNG

Sau hơn 3 tháng phát động cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, Ban Tổ chức cuộc thi thị xã Hương Thủy nhận được 6849 bài dự thi của 50 đơn vị trên địa bàn.

Ngày 23/12/2014, Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy tổ chức Lễ phát động cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, tuy vào dịp cuối năm công việc nhiều, Tết Nguyên đán và đại hội Đảng các cấp nhưng Ban Tổ chức đã chủ động có Công văn trực tiếp đơn đốc kết hợp với việc nhắc nhở thông qua các cuộc họp nên đến nay 50 đơn vị đã nộp cho Ban Tổ chức cuộc thi 6849 bài dự thi vượt chỉ tiêu gần 2000 bài thi. Trong đó, ngành giáo dục 1387 bài, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 1340 bài, Hội Cựu chiến binh 715 bài...

Trong số các bài dự thi, có những bài thi được đầu tư công phu với hàng chục ảnh tư liệu liên quan đến Hiến pháp, được in màu, trình bày đẹp; nội dung đầy đủ, rõ ràng, có mở đầu kết thúc; bên cạnh đó cũng có những bài viết tay rất tâm huyết của Hội viên Hội Cựu chiến binh như bài dự thi của đồng chí Nguyễn Duy Trọng 89 tuổi Hội Cựu chiến binh phường Thủy Phương... đây chỉ mới là kết quả bước đầu nhưng cũng thể hiện được ý nghĩa



tích cực của Cuộc thi, đó là: Phổ biến tinh thần và nội dung Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến các tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang nhân dân, người lao động và người Việt Nam ở nước ngoài, nhằm nâng cao hiểu biết, ý thức tôn trọng, chấp hành, bảo vệ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; góp phần bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phát triển đất nước vững mạnh./.

Tr.C

NHỮNG VƯƠNG MẮC CẦN THẢO GỒ TRONG THỰC HIỆN LUẬT BẢO HIỂM Y TẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

■ NGUYỄN XUÂN TIÊU



Khám chữa bệnh BHYT (ảnh minh họa)

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 (sau đây gọi tắt là Luật BHYT sửa đổi, bổ sung) được Quốc hội khóa XIII thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015. Với nhiều nội dung sửa đổi tích cực, trong đó

quy định bảo hiểm y tế (BHYT) là bảo hiểm bắt buộc và khuyến khích việc thực hiện BHYT theo hộ gia đình, đây là quy định quan trọng nhằm thúc đẩy thực hiện lộ trình BHYT toàn dân.

Ngay sau khi Luật được Quốc hội thông qua, Bộ Y tế đã phối hợp

cùng Bộ Tài chính, Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam tích cực xây dựng các văn bản hướng dẫn, bảo đảm thực hiện Luật từ ngày 01/01/2015. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 105/2014/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT sửa đổi, bổ sung; Bộ Y tế, Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện BHYT, Bộ Y tế ban hành một số Thông tư hướng dẫn thực hiện về đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu và chuyển tuyến khám chữa bệnh BHYT, danh mục thuốc tân dược thanh toán trong khám chữa bệnh BHYT.

Một số điểm mới cơ bản của Luật BHYT sửa đổi, bổ sung

Thứ nhất, sửa đổi

quy định các đối tượng “có trách nhiệm tham gia bảo hiểm y tế” thành “*Bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm bắt buộc* được áp dụng đối với các đối tượng theo quy định của Luật này để chăm sóc sức khỏe, không vì mục đích lợi nhuận do Nhà nước tổ chức thực hiện”.

Thứ hai, bổ sung khái niệm “*Hộ gia đình tham gia bảo hiểm y tế* là bao gồm toàn bộ người có tên trong sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú” để thực hiện hình thức tham gia BHYT theo hộ gia đình với một số nhóm đối tượng. Quy định này giúp cho việc đăng ký, quản lý các nhóm đối tượng thống nhất, không bỏ sót và tránh việc cấp trùng thẻ BHYT, hạn chế tình trạng chỉ có người ốm trong hộ gia đình mới tham gia BHYT và bảo đảm sự chia sẻ ngay trong hộ gia đình.

Thứ ba, bổ sung quy định cụ thể mức hưởng BHYT trong trường hợp

người có thẻ BHYT tự đi khám chữa bệnh trái tuyến (khám chữa bệnh không đúng nơi đăng ký ban đầu ghi trên thẻ BHYT) và được quỹ BHYT thanh toán theo mức hưởng quy định với tỷ lệ: 40% chi phí điều trị nội trú ở bệnh viện tuyến trung ương; 60% chi phí điều trị nội trú từ ngày Luật có hiệu lực đến ngày 31/12/2020, 100% chi phí điều trị nội trú từ ngày 01/01/2021 đối với bệnh viện tuyến tỉnh; 70% chi phí khám chữa bệnh từ ngày Luật có hiệu lực đến ngày 31/12/2015, 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh từ ngày 01/01/2016 đối với bệnh viện tuyến huyện (Theo Luật BHYT năm 2008, quỹ BHYT thanh toán 30%, 50%, 70% chi phí khám chữa bệnh nội và ngoại trú khi khám chữa bệnh trái tuyến tại bệnh viện tuyến trung ương, tuyến tỉnh, tuyến huyện).

Thứ tư, việc thanh toán trực tiếp được quy

định trong một số trường hợp cụ thể, đó là: khám chữa bệnh tại cơ sở khám chữa bệnh không có hợp đồng khám chữa bệnh BHYT; khám chữa bệnh không có đủ thủ tục theo quy định (Thẻ BHYT, Hồ sơ chuyển viện, Giấy hẹn tái khám...) và một số trường hợp đặc biệt khác do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định. Đồng thời, cũng bỏ quy định thanh toán đối với trường hợp khám chữa bệnh tại nước ngoài vì thực tế rất khó kiểm soát chi phí và không khuyến khích việc khám chữa bệnh ở nước ngoài trong điều kiện quỹ BHYT còn hạn hẹp.

Ngoài những sửa đổi cơ bản nêu trên, Luật và các văn bản hướng dẫn còn bổ sung nhiều điểm mới theo hướng tăng quyền lợi cho người tham gia BHYT nhằm giảm gánh nặng chi phí khám chữa bệnh, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ y tế với một số đối tượng khó khăn như:



Giao dịch BHXH, BHYT tại Bộ phận nhận và trả kết quả BHXH tỉnh

Bỏ quy định cùng chi trả 5% với người nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; bỏ quy định cùng chi trả 20% với thân nhân người có công là cha mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ, người có công nuôi dưỡng liệt sĩ; giảm mức cùng chi trả từ 20% xuống còn 5% với thân nhân của người có công khác và người cận nghèo. Luật còn bổ sung quy định Quỹ BHYT thanh toán trong các trường hợp điều trị lác, cận thị và tật khúc xạ của mắt cho đối tượng trẻ

em dưới 6 tuổi; tự tử, tự gây thương tích, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Đặc biệt, Luật bổ sung quy định Quỹ BHYT sẽ thanh toán 100% chi phí khám chữa bệnh khi người bệnh có thời gian tham gia BHYT từ 5 năm liên tục trở lên và có số tiền cùng chi trả chi phí khám chữa bệnh trong năm lớn hơn 6 tháng lương cơ sở (trừ trường hợp khám chữa bệnh vượt tuyến, trái tuyến). Ngoài ra, có 8 loại thuốc chính thức được đưa vào danh mục của Bộ Y tế để thanh toán; có 47 bệnh, nhóm

bệnh được sử dụng giấy chuyển tuyến một lần trong năm dương lịch, sau đó tái khám theo hẹn của bác sĩ mà vẫn được hưởng các quyền lợi của bệnh nhân BHYT.

Một số vướng mắc thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung trên địa bàn tỉnh

Sau hơn 4 tháng triển khai thực hiện, tính đến ngày 30/4/2015 toàn tỉnh có 905.322 người tham gia BHYT (chiếm hơn 80% dân số); có 717.765 lượt Khám chữa bệnh BHYT với số chi là 287 tỷ đồng, trong đó chi cho bệnh nhân ngoại tỉnh 26.626 lượt với số tiền là 92.6 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nổi lên hai vướng mắc cơ bản sau:

Một là, Luật BHYT sửa đổi, bổ sung quy định người dân muốn tham gia BHYT phải đăng ký theo hộ gia đình. Khác với trước đây, khi tham gia BHYT tự nguyện, từng cá nhân trong hộ gia đình được tham gia riêng cho mình, thì nay

tất cả thành viên trong hộ (bao gồm những người có tên trong sổ hộ khẩu trừ người đã tham gia BHYT, người đã khai báo tạm vắng và những người có tên trong sổ tạm trú) đều phải tham gia BHYT. Như vậy, nếu có một thành viên trong hộ gia đình không tham gia BHYT thì cả hộ gia đình không được tham gia BHYT.

Việc này chưa nhận được sự đồng thuận cao của người dân, nhất là các đối tượng trước đây đã tham gia BHYT tự nguyện theo từng cá nhân. Mặt khác, đối với HGD có hoàn cảnh kinh tế khó khăn muốn tham gia BHYT theo hộ gia đình thì phải bỏ ra một số tiền không nhỏ cũng là một trở ngại lớn. Ngoài ra, thời gian đầu triển khai thực hiện Luật vẫn còn nhiều lúng túng trong việc xác định số lượng thành viên hộ gia

đình tham gia BHYT do văn bản hướng dẫn thủ tục tham gia BHYT chưa được ban hành kịp thời, các Đại lý thu bảo hiểm xã hội (BHXH) tự nguyện, BHYT tự đóng¹ và người dân nói chung chưa nắm rõ quy định mới của Luật.

Ngày 12/3/2015, BHXH Việt Nam ban hành Công văn số 777/BHXH-BT, trong đó quy định: Đối với hộ gia đình đã có người tham gia BHYT tự đóng 100% mức đóng, nếu sau ngày 01/01/2015 tiếp tục tham gia BHYT thì thực hiện cho cá nhân người đó hoặc theo hộ gia đình; những người còn lại trong hộ gia đình chưa tham gia BHYT, khi tham gia BHYT thì bắt buộc thực hiện theo hộ gia đình. Từ 01/01/2016 trở đi, toàn bộ những người có tên trong sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú phải thực hiện

BHYT theo hộ gia đình, lập danh sách theo Mẫu D01-HGD (*biểu thống kê thành viên hộ gia đình tham gia BHYT*) có xác nhận của Tổ trưởng dân phố, thôn trưởng và UBND phường, xã.

Tuy nhiên, khi lập Mẫu D01-HGD đã gặp phải khó khăn trong việc xác minh thành viên trong hộ gia đình tạm vắng hoặc đã tham gia BHYT. Để không sai sót, một số Đại lý thu yêu cầu cung cấp bản photocopy thẻ BHYT đối với người đã tham gia BHYT, điều này gây bức xúc cho người dân. Thậm chí có nơi Tổ trưởng, UBND phường, xã còn lảng tránh trách nhiệm xác nhận Mẫu D01-HGD khiến người dân phải đi lại nhiều lần...

Hai là, việc chuyển tuyến theo Luật và Thông tư hướng dẫn của Bộ Y tế rất chặt chẽ,

¹ UBND xã, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội hoặc tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân đầy đủ được cơ quan BHXH ký kết hợp đồng thu BHXH tự nguyện, BHYT tự đóng, BHYT được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần mức đóng

người bệnh phải đến nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu để Khám chữa bệnh. Trường hợp bệnh không phù hợp với năng lực chẩn đoán và điều trị, danh mục kỹ thuật của cơ sở Khám chữa bệnh hoặc bệnh phù hợp với năng lực chẩn đoán và điều trị, danh mục kỹ thuật của cơ sở Khám chữa bệnh nhưng do điều kiện khách quan, cơ sở Khám chữa bệnh không đủ điều kiện để chẩn đoán và điều trị thì được chuyển lên tuyến trên liền kề hoặc chuyển lên tuyến cao hơn nếu cơ sở Khám chữa bệnh tuyến trên liền kề không có dịch vụ kỹ thuật phù hợp. Trong khi đó, tâm lý của người bệnh luôn muốn lên tuyến trên để khám chữa bệnh, phải chấp nhận trái tuyến

và không được hưởng BHYT trong trường hợp khám chữa bệnh ngoại trú tại bệnh viện tuyến I², tuyến II³. Như vậy, chỉ có điều trị nội trú trái tuyến mới được quỹ BHYT chi trả. Tuy nhiên, người bệnh muốn điều trị nội trú trái tuyến cũng gặp khó khăn, vì bệnh viện tuyến trên luôn trong tình trạng quá tải. Ngay khi được điều trị nội trú, cũng chỉ được chi trả theo mức hưởng 40% chi phí Khám chữa bệnh đối với tuyến trung ương; 60% chi phí khám chữa bệnh đối với tuyến tỉnh.

Bệnh nhân BHYT chuyển đúng tuyến lên bệnh viện Đại học Y Dược Huế đã gia tăng đáng kể trong 4 tháng đầu năm 2015. Bên cạnh đó, phải bảo đảm việc

khám chữa bệnh ban đầu cho hơn 40.000 người đăng ký Khám chữa bệnh ban đầu tại Bệnh viện, nên đã dẫn đến tình trạng quá tải trong Khám chữa bệnh tại Bệnh viện Đại học Y Dược Huế. Trong khi đó, tại Bệnh viện Trung ương Huế - là Bệnh viện hạng đặc biệt có đủ điều kiện về năng lực chuyên môn kỹ thuật, cơ sở vật chất và là tuyến cuối, số bệnh nhân Khám chữa bệnh ngoại trú giảm (do không được hưởng BHYT khi Khám chữa bệnh trái tuyến và do giảm lượng bệnh nhân được chuyển tuyến đến) và chuyển tuyến nội trú cũng giảm so với cùng kỳ năm trước. Thực trạng này dẫn đến việc không sử dụng có hiệu quả nguồn lực Khám

² Tuyến trung ương, bao gồm Bệnh viện hạng đặc biệt và Bệnh viện hạng I được Bộ Y tế giao nhiệm vụ là tuyến cuối về chuyên môn kỹ thuật như Bệnh viện Trung ương Huế.

³ Tuyến tỉnh, bao gồm Bệnh viện hạng I không được Bộ Y tế giao nhiệm vụ là tuyến cuối về chuyên môn kỹ thuật và Bệnh viện hạng II, như: Bệnh viện Đại học Y Dược Huế - Hạng I; Bệnh viện Quân Y 268, Bệnh viện huyện Phú Vang, Bệnh viện Tâm Thần Huế, Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Giao thông vận tải Huế, Phòng khám Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh (Ngoại trú).

chữa bệnh với tư cách là tuyến cuối của Bệnh viện Trung ương Huế.

Trước thực trạng này, Sở Y tế Thừa Thiên Huế đã ban hành Công văn số 710/HD-SYT ngày 08/5/2015 hướng dẫn bổ sung việc chuyển tuyến theo Công văn số 2223/HD-SYT ngày 30/12/2014. Theo đó, để tránh quá tải và bảo đảm cho người bệnh được sử dụng các dịch vụ kỹ thuật cao, các Bệnh viện tuyến II, tuyến III⁴ ngoài chuyển tuyến đến Bệnh viện Đại học Y Dược Huế, được chuyển đến Bệnh viện Trung ương Huế 12 nhóm bệnh lý vượt quá khả năng chuyên môn tại đơn vị (bao gồm: Hồi sức, cấp cứu; Nội tim mạch, Nội thận – Tiết niệu – Lọc máu, Nội tiết, Thần kinh: đã điều trị nội trú tại Bệnh viện Trung ương Huế và có biến chứng; Hồi sức cấp cứu

nhì, Sơ sinh non tháng; Truyền nhiễm gây dịch; Ngoại khoa về thần kinh, sọ não, tim mạch, lồng ngực; Ngoại, sản có kế hoạch mổ lần hai; Bỏng nặng; Ung bướu liên quan đến ung thư, hoặc có chỉ định điều trị y học hạt nhân; Nhóm bệnh lý liên quan phẫu thuật chấn thương chỉnh hình – Tạo hình, vi phẫu; Nhóm bệnh lý về máu và cơ quan tạo máu liên quan đến miễn dịch; Nhóm bệnh lý về dị tật bẩm sinh, biến dạng và bất thường về nhiễm sắc thể; Nhóm bệnh lý Tai mũi họng – Răng hàm mặt – Mắt: Chấn thương thanh – khí – phế quản có nguy cơ hẹp đường thở, chấn thương vùng hàm mặt phức tạp liên quan đến sọ não, các phẫu thuật bán cầu sau, Laser quang đông).

Một số giải pháp cần quan tâm tháo gỡ

Để tháo gỡ những

vướng mắc đã và đang phát sinh trong quá trình thực hiện Luật, cần quan tâm thực hiện một số giải pháp sau:

- Đẩy mạnh tuyên truyền để người dân hiểu được quyền lợi của họ khi tham gia BHYT, nhất là nhóm hộ gia đình – đối tượng tham gia BHYT bằng tiền của họ và là nhóm đối tượng có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng tỷ lệ bao phủ BHYT. Bản thân người dân tham gia BHYT cũng cần nhận thức đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, nên Khám chữa bệnh đúng tuyến để khỏi phải chi trả chi phí Khám chữa bệnh ngoài ý muốn.

- Bộ Y tế sớm hướng dẫn “gói dịch vụ y tế cơ bản” theo quy định của Luật để người tham gia BHYT biết được quỹ BHYT chi trả những loại bệnh gì, người tham gia BHYT phải chi trả

⁴ Tuyên huyện

những gì, nhằm tạo sự minh bạch đối với quyền lợi của người tham gia BHYT. Mặt khác, cần thông tin lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế⁵ gắn với lộ trình BHYT toàn dân và nâng cao chất lượng Khám chữa bệnh, làm cho dân hiểu nếu không có BHYT thì trong tương lai sẽ phải chi phí lớn hơn nhiều so với hiện nay.

- Tiếp tục nâng cao năng lực các tuyến Khám chữa bệnh, nhất là tuyến cơ sở cả về năng lực điều trị và cơ sở vật chất phù hợp với lộ trình BHYT toàn dân và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

- Trong lúc chờ UBND xã, phường lập danh sách người tham gia BHYT theo quy định của Luật, đối với người tham gia BHYT theo hộ gia đình, **chỉ cần kê**

khai Mẫu D01-HGD mà không phải cung cấp thêm bất kỳ loại giấy tờ nào khác. Theo đó, người đại diện hộ gia đình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin kê khai. Cơ quan BHXH, Đại lý và UBND cấp xã có trách nhiệm hậu kiểm và thực hiện chế tài theo quy định của pháp luật đối với những trường hợp cố tình vi phạm.

- Ngành BHXH tiếp tục quán triệt công chức, viên chức nêu cao tinh thần, thái độ, ý thức trách nhiệm phục vụ Nhân dân; quyết tâm thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, tổ chức và thực hiện có hiệu quả giao dịch điện tử theo Quyết định số 08/2015/QĐ-TTg ngày 09/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 528/QĐ-BHXH ngày

14/4/2015 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam.

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, cơ quan, tổ chức, đoàn thể cần xác định rõ trách nhiệm và chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện Luật BHYT sửa đổi, bổ sung và đặc biệt là quán triệt và thực hiện nghiêm túc các nội dung quy định tại Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 02 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

Thực hiện tốt những giải pháp nói trên sẽ tạo chuyển biến nhất định trong nhận thức của Nhân dân; người dân sẽ tích cực tham gia BHYT theo hộ gia đình một cách tự nguyện, bền vững, không còn tư tưởng khi có bệnh mới tham gia BHYT./.

N.X.T

⁵ Theo Bộ Y tế, từ nay đến năm 2020, giá dịch vụ y tế sẽ được điều chỉnh theo hướng tính đúng, tính đủ. Khi đó, đến năm 2020, giá dịch vụ y tế sẽ được cấu thành từ bảy yếu tố thay vì ba yếu tố như hiện nay.

CHẾ ĐỘ TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG THEO LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH NĂM 2014

■ ĐỖ THỊ DIỆN

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về chế độ tài sản của vợ chồng có nhiều điểm mới so với Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, và được cụ thể hóa theo Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014, của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình bổ sung một số quy định, cụ thể về chế độ tài sản của vợ chồng theo luật định và chế độ tài sản theo thỏa thuận; quy định rõ công việc nội trợ và các công việc khác có liên quan để duy trì đời sống chung được xem là lao động có thu nhập, điểm mới này đáng lưu ý nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con.

1. Chế độ tài sản của vợ chồng theo luật định

Chế độ tài sản của vợ chồng theo luật định

được áp dụng trong trường hợp vợ chồng không lựa chọn áp dụng chế độ tài sản theo thỏa thuận hoặc có thỏa thuận về chế độ tài sản nhưng thỏa thuận này bị tòa án tuyên bố vô hiệu theo quy định. Chế độ tài sản của vợ chồng theo luật định bao gồm:

- Thu nhập hợp pháp khác của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân như: Khoản tiền thưởng, tiền trúng thưởng xổ số, tiền trợ cấp, trừ trường hợp khoản trợ cấp, ưu đãi mà vợ, chồng nhận được theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng; quyền tài sản khác gắn liền với nhân thân của vợ, chồng; tài sản mà vợ chồng được xác lập quyền sở hữu theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với vật vô chủ, vật bị chôn giấu, bị chìm đắm, vật bị đánh rơi, bị bỏ quên, gia súc, gia cầm bị thất lạc, vật nuôi

dưới nước; thu nhập hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của vợ, chồng: Hoa lợi phát sinh từ tài sản riêng của vợ, chồng là sản vật tự nhiên mà vợ, chồng có được từ tài sản riêng của mình; lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của vợ, chồng là khoản lợi mà vợ, chồng thu được từ việc khai thác tài sản riêng của mình.

- Những tài sản riêng khác của vợ, chồng theo quy định của pháp luật như: Quyền tài sản đối với đối tượng sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ; tài sản mà vợ, chồng xác lập quyền sở hữu riêng theo bản án, quyết định của Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác; khoản trợ cấp, ưu đãi mà vợ, chồng được nhận theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng,

quyền tài sản khác gắn liền với nhân thân của vợ, chồng.

- Đăng ký tài sản chung của vợ, chồng: Tài sản chung của vợ, chồng phải đăng ký bao gồm quyền sử dụng đất, những tài sản khác mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu; đối với tài sản chung của vợ, chồng đã được đăng ký và ghi tên một bên vợ hoặc chồng thì vợ, chồng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng đất để ghi tên của cả vợ và chồng; trong trường hợp tài sản chung được chia trong thời kỳ hôn nhân mà trong giấy chứng nhận quyền sở hữu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi cả vợ và chồng thì bên được chia phần tài sản bằng hiện vật có quyền yêu cầu cơ quan đăng ký tài sản cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở văn bản thỏa thuận của vợ chồng hoặc quyết định của tòa án về chia

tài sản chung.

- Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung của vợ chồng: Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung do vợ chồng thỏa thuận. Trong trường hợp vợ hoặc chồng xác lập, thực hiện giao dịch liên quan đến tài sản chung để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì được coi là có sự đồng ý của bên kia, trừ trường hợp việc định đoạt tài sản chung là bất động sản, động sản mà theo quy định của pháp luật phải đăng ký quyền sở hữu, tài sản đang là nguồn tạo ra thu nhập chủ yếu của gia đình phải có sự thỏa thuận bằng văn bản của vợ chồng, nếu vi phạm quy định này thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch vô hiệu.

- Hậu quả của việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân: Việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân không làm chấm dứt chế độ tài sản của vợ chồng

theo luật định; từ thời điểm việc chia tài sản chung của vợ chồng có hiệu lực, nếu vợ chồng không có thỏa thuận khác thì phần tài sản được chia; hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản đó; hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng khác của vợ, chồng là tài sản riêng của vợ, chồng; từ thời điểm việc chia tài sản chung của vợ chồng có hiệu lực, nếu tài sản có được từ việc khai thác tài sản riêng của vợ, chồng mà không xác định được đó là thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh của vợ, chồng hay là hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng đó thì thuộc sở hữu chung của vợ chồng.

2. Chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận

Một là, Xác định tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận

- Trường hợp lựa chọn áp dụng chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận thì vợ chồng có thể thỏa thuận về xác định tài sản theo một trong các nội dung: Tài sản giữa vợ và chồng

bao gồm tài sản chung và tài sản riêng của vợ, chồng; giữa vợ và chồng không có tài sản riêng của vợ, chồng mà tất cả tài sản do vợ, chồng có được trước khi kết hôn hoặc trong thời kỳ hôn nhân đều thuộc tài sản chung; giữa vợ và chồng không có tài sản chung mà tất cả tài sản do vợ, chồng có được trước khi kết hôn và trong thời kỳ hôn nhân đều thuộc sở hữu riêng của người có được tài sản đó; xác định theo thỏa thuận khác của vợ chồng.

- Thỏa thuận về tài sản của vợ chồng phải phù hợp với quy định tại các Điều 29, 30, 31 và 32 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nếu vi phạm, người có quyền, lợi ích liên quan có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố thỏa thuận vô hiệu theo quy định.

Hai là, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định chưa rõ ràng về chế độ sở hữu của vợ chồng, chủ yếu đề cập đến vấn đề đất đai, còn các tài sản khác như chứng khoán, tài sản trong doanh nghiệp

thì chưa được đề cập tới, gây khó khăn trong quá trình giải quyết tranh chấp. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định việc thỏa thuận về tài sản của vợ chồng phải được lập bằng văn bản có công chứng hoặc chứng thực trước khi kết hôn. Thỏa thuận này vẫn có thể được thay đổi sau khi kết hôn.

Ba là, vợ chồng được thỏa thuận về tài sản khi ly hôn. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định tài sản chung của vợ chồng, gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung. Đối với quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng

cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng. Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất, được dùng để bảo đảm nhu cầu của gia đình, thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng. Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung.

Bên cạnh đó, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng quy định cụ thể cách giải quyết về con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng các bên khi nam nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là căn cứ vào thỏa thuận giữa các bên. Trong trường hợp không có thỏa thuận, thì giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Không tính thời gian chung sống như vợ chồng trước khi đăng ký kết hôn vào thời kỳ hôn nhân.

Đ.T.D

Đồn Biên phòng cửa khẩu A Đốt:

TÍNH NHÂN VĂN CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG VIỆC XỬ LÝ ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI NƯỚC NGOÀI VI PHẠM PHÁP LUẬT

■ MAI TRÍ

Vào lúc khoảng 9 giờ ngày 11/4/2015, chị Trần Thị Định, sinh năm 1973, làm nghề buôn bán sắt phế liệu tại gia đình; thường trú tại thôn A Đốt, xã A Đốt, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, hốt hải chạy đến Đồn Biên phòng cửa khẩu A Đốt trình báo về việc chị vừa bị mất trộm tiền và đề nghị Đồn truy tìm giúp.

Chị cho biết: Vào lúc khoảng 9 giờ kém 15 phút, có 2 đối tượng người Lào đi 2 xe máy đến nhà chị bán sắt phế liệu. Khi chị ra ngoài sân mua bán với một người thì người kia ngồi trong nhà, cái ví tiền chị để ở giường, khi 2 người đó vừa đi xong thì chị bỗng nghi ngờ nên đã tiến hành kiểm

đếm lại số tiền trong ví, thì phát hiện bị mất khoảng 4 triệu đồng. Chị nghi ngờ cho người Lào ngồi trong nhà chị, đã lợi dụng lúc chị ra ngoài sân mua hàng đã nhanh tay lấy cắp tiền. Theo lời khai báo của chị, trinh sát Đồn nắm được nhận

- Đối tượng Thả Vung dẫn Trinh sát Đồn tìm lại số tiền y cất dấu. →



Trinh sát Đồn Biên phòng cửa khẩu A Đốt trả lại số tiền đối tượng người Lào lấy trộm của chị Định.

dạng của đối tượng nghi vấn, đó là một người nam giới, khoảng 20 tuổi, cao 1m 60, hơi gầy, nước da ngăm đen, trên cổ có quàng khăn màu đỏ, đi xe Hon da màu vàng...

Sau khi tiếp nhận tin trình báo trên, ngay lập tức Ban chỉ huy Đồn đã điều động lực lượng ở các địa bàn triển khai chốt chặn ngay và tổ chức truy xét đối tượng theo tình huống đã dự kiến; điện chỉ đạo Trạm kiểm soát cửa khẩu tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ người và phương tiện qua lại cửa khẩu; triển khai một tổ chốt chặn trên đường Hồ Chí Minh tại ngã ba A Đót hướng đi vào Quảng Nam; một tổ chốt chặn, đón lỏng trên đường Hồ Chí Minh tại ngã ba Đông Sơn hướng đi ra thị trấn A Lưới và đi vào xã Đông Sơn, để phát hiện, bắt giữ kịp thời đối tượng nghi vấn trên. Với cách bủa lưới chặt chẽ như vậy, Ban

chỉ huy Đồn tin chắc rằng đối tượng khó có thể thoát ra khỏi địa bàn quản lý của Đồn được.

Đồng thời với việc khẩn trương triển khai lực lượng chốt chặn, Ban chỉ huy Đồn cử thêm lực lượng tiến hành thông báo lập tức cho Nhân dân biết vụ việc trên và nhận dạng của đối tượng để phối hợp giúp đỡ. Nhờ vậy, quần chúng đã cung cấp ngay cho lực lượng của Đồn biết có một đối tượng nam giới đi xe Hon da màu vàng chạy rất nhanh theo đường Hồ Chí Minh vào hướng A Roàng – Quảng Nam, được một lúc sau đã thấy chạy ngược lại ra hướng thị trấn A Lưới. Đơn vị tiếp tục tăng cường lực lượng chốt chặn và truy xét các hướng. Đến 9 giờ 45 phút cùng ngày, (nghĩa là sau 45 phút nhận được tin báo) đối tượng đã bị lực lượng của Đồn phát hiện, ngăn chặn tóm gọn trên đường Hồ Chí Minh tại địa bàn xã Hương Phong khi y

đang chạy ra thị trấn A Lưới để trốn thoát.

Sau khi bị bắt về Đồn, đối tượng vẫn quanh co chối tội, nhưng bằng nhiều biện pháp nghiệp vụ đấu tranh sắc bén của trình sát, đối tượng đã cúi đầu nhận tội và khai báo rõ ràng về hành vi trộm cắp của mình. Y tên là Thả Vung, 18 tuổi, quốc tịch Lào, thường trú tại bản Ka Lô, huyện Kà Lùm, tỉnh Sê Koong (Lào). Đối tượng thường qua lại biên giới, đúng quy định đặc biệt dành cho cư dân biên giới nhằm trao đổi hàng hóa sinh hoạt, bán cá khô, sắt phế liệu. Sáng ngày 11/4/2015, do chị Định để ví tiền sơ hở trên giường nên Thả Vung mới nảy sinh ý định lấy cắp. Song y không lấy hết mà chỉ lấy một ít với suy nghĩ là để chị Định sẽ không phát hiện. Lấy tiền xong y chạy vào hướng xã A Roàng đầu tiên trong một bụi cây ven đường, rồi lên xe chạy ngược lại ra hướng

thị trấn A Lưới tẩu thoát, nghe ngóng, đợi đến chiều tối y mới trở về lấy rồi về nhà luôn. Nhưng y không ngờ rằng chị Định đã nảy sinh nghi ngờ, phát hiện việc mất tiền và đã đến trình báo ngay với cơ quan chức năng; để kết cục y đã sa lưới pháp luật của lực lượng Biên phòng Việt Nam. Sau khi nhận tội, các trinh sát đã dẫn y đến nơi cất dấu tiền ở địa bàn xã A Roàng và đã lấy lại đủ toàn bộ số tiền y đã cất dấu. Qua kiểm đếm tổng số tiền y đã lấy trộm của chị Định là 3.950.000 VNĐ (ba triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Xét hành vi phạm tội của Thả Vung là mới vi phạm lần đầu. Y lại khai báo thành khẩn, tỏ rõ ăn năn hối cải và tích cực hợp tác trong khắc phục hậu quả trong việc tìm và trả lại đầy đủ số tiền y đã chiếm đoạt. Đồng thời, qua trao đổi với phía chính quyền và lực lượng chức năng của bạn

Lào về nhân thân của y, được biết y chưa có tiền án, tiền sự, đây là lần vi phạm đầu tiên, trình độ văn hóa rất thấp, hoàn cảnh gia đình lại rất khó khăn. Hiện tại phía bạn Lào đang chuẩn bị đón tết cổ truyền Bun Pi May... nên Ban chỉ huy Đồn Biên phòng cửa khẩu A Đốt đã thống nhất xử lý vi phạm hành chính đối với Thả Vung, theo pháp luật Việt Nam tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ Việt Nam quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự xã hội, mức phạt tiền là 01 triệu đồng. Đồng thời lập biên bản bàn giao số tiền 3.950.000VNĐ cho chị Trần Thị Định. Lúc 17 giờ cùng ngày, Đồn Biên phòng cửa khẩu A Đốt đã bàn giao đối tượng Thả Vung cho chính quyền địa phương bản Ka Lô và lực lượng chức năng của bạn Lào để quản lý, giáo dục và xử lý theo pháp

luật của bạn Lào.

Mặc dầu số tiền lấy trộm không lớn, nhưng việc khẩn trương ngăn chặn, bủa vây truy xét và bắt khẩn cấp được đối tượng Thả Vung (quốc tịch Lào) có hành vi phạm pháp trên địa bàn biên giới Việt Nam đã thể hiện rõ nét tinh thần khẩn trương, kiên quyết trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội và công tác tổ chức chặt chẽ trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ biên giới của cán bộ, chiến sỹ Đồn Biên phòng cửa khẩu A Đốt (nói riêng) và lực lượng Bộ đội Biên phòng Việt Nam (nói chung). Đồng thời, còn thể hiện được tính nhân văn nhân đạo của pháp luật Việt Nam; góp phần củng cố niềm tin, vun đắp thêm tình cảm, tình đoàn kết gắn bó hữu nghị đặc biệt giữa 2 dân tộc Việt Nam - Lào anh em và cư dân 2 bên biên giới Lào - Việt./.

M.T

TÌNH YÊU BIỂN ĐẢO VÀ Ý TƯỞNG BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO VIỆT NAM CỦA CÁC EM THIẾU NHI

■ NGUYỄN THÀNH VINH

Biển, đảo nước ta có vị trí hết sức quan trọng trong quá trình phát triển của dân tộc. Từ thời xa xưa, biển luôn gắn bó chặt chẽ với mọi hoạt động sản xuất, đời sống của Nhân dân. Vùng biển, hải đảo và ven biển là địa bàn chiến lược có vị trí quyết định đối với sự phát triển của đất nước, là tiềm năng thế mạnh quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chính vì thế mà biển đảo luôn là mối quan tâm đặc biệt của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta, trong đó có thiếu nhi Việt Nam nói chung và thiếu nhi Thừa Thiên Huế nói riêng.

Tôi đã từng được tham dự những câu lạc bộ thơ của các em thiếu



nhi khối Trung học cơ sở ở thành phố Huế, ở thị xã Hương Thủy hay ở huyện Phú Vang... Trong những buổi sinh hoạt ấy, ngoài các hoạt động, như: Nhận tín hiệu morse, semaphore, nhận biết dấu đi đường, tìm hiểu kiến thức xã hội, các em đã có cơ hội thể hiện lòng yêu nước, tình yêu biển đảo quê hương, những cảm xúc của mình trước vấn đề biển Đông bằng những vần thơ đầy xúc động. Không chỉ riêng tôi mà

hình như cả hội trường đã có những phút giây lặng im phảng phất khi nghe một em học sinh ở thành phố Huế thể hiện bài thơ **“Tổ quốc nơi biển đảo”** của nhà thơ Lê Ái Siêm qua giọng ngâm ngọt ngào, sâu lắng và đầy chất trữ tình của mình: *“Tổ quốc nơi nào mà không máu thịt/ Không vang vọng lời thề gìn giữ thuở cha ông?/ Tổ quốc được gọi tên trên môi người dân Việt/ Ngọn sóng biển Đông cứ trào cuộn trong lòng”* ...

Có em lại gửi gắm lòng mình qua những vần thơ “Gửi Trường Sa” của tác giả trẻ Trúc Mai: “Trên bản đồ Trường Sa thật gần/ Trường Sa thức giữ biển trời Tổ quốc/ Em muốn làm cánh hải âu bay ra ngoài ấy/ Cùng các anh chia nắng gió đêm ngày”. Các em còn đọc những bài thơ do chính các em sáng tác gửi tới các chú bộ đội ở Trường Sa tấm lòng biết ơn vô hạn: “Nghe thấy Trường Sa ta thấy một xa xăm/ Mà gần ngay trước mắt/ Như nghe gió Trường Sa bay nhẹ trên khuôn mặt/ Mà ào lên cơn bão nhớ đất liền/ Ta như nghe tiếng biển hát dịu hiền/ Nhưng âm âm tiếng luyến lưu Tổ

quốc/ Nơi biển vắng ở tận cùng đất nước/ Và những màu áo lính sáng niềm tin/ Nơi ba ngàn hải lý ở trong tim/ Cánh hải âu kiên cường bảo tột/ Kiên cường giữ từng hòn đảo nhỏ/ Vì đó là máu thịt của cha ông/ Là trái tim, là vô kể tấm lòng/ Của nơi đây, của đất liền gửi gắm/ Nơi lưu giữ những lớn lao vô tận/ Và đó là Tổ quốc thiêng liêng/ Trường Sa ơi, bao hòn đảo không tên/ Cũng là niềm tin của những người đang sống/ Ấm tâm hồn trong bạc phơ đầu sóng/ Trường Sa ơi! Sáng mãi vùng biển khơi!! Trường Sa ơi! Nỗi nhớ mãi không vơi!” (Trường Sa - Nguyễn Đặng Ngọc

Anh). Đặc biệt, có em còn giới thiệu về những cuốn sách mà em đã từng đọc, hay, hấp dẫn, bổ ích và mong muốn trao đổi cùng các thành viên khác như cuốn sách quý: **Chủ quyền quốc gia Việt Nam tại hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa qua thư tịch, tư liệu Việt Nam và nước ngoài**; hay: **Hoàng Sa, Trường Sa là máu thịt Việt Nam**. Đây là những cuốn sách có hệ thống tư liệu phong phú, quý giá và có giá trị khoa học, lịch sử, pháp lý cao khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Tình yêu biển đảo của các em thiếu nhi còn được thể hiện qua những ca khúc nồng nàn về biển: “Có người nói, biển chỉ toàn nước thôi. Nhưng nước mặn vì biết bao máu đỏ. Có





các chiến sĩ hải quân; xem chương trình nghệ thuật “Em yêu biển, đảo quê hương”; thi vẽ tranh “Em yêu biển đảo Việt Nam”; tham gia các trò chơi vận động với chủ đề biển, đảo (như: Tiếp sức Trường Sa, tiếp nước Trường Sa, góp sức xây Trường Sa...).

Ở các triển lãm tranh vẽ và thi vẽ tranh của các em thiếu nhi, chúng ta sẽ thảng thốt trước các ý tưởng về việc bảo vệ chủ quyền biển đảo trong các bức tranh đầy màu sắc. Có em hồn nhiên thể hiện ý tưởng “Nổi lên lãnh thổ Việt Nam” trong một bức tranh có đường ngầm dưới lòng biển và con tàu cao tốc xuyên biển dũng mãnh. Có



người nói, đảo chỉ toàn cát thôi. Nhưng cát từ san hô. San hô từ xương cốt ông cha hy sinh. Oi đảo của ta. Những cây bàng vuông, cây tra không gió bão nào quật ngã...” (**Biển của ta**-nhạc: Nguyễn Khánh Hòa; thơ: Hồ Thanh Điền); hay ca khúc **“Hát Quốc ca giữa đảo Trường Sa”** của nhạc sĩ Cao Hồng Sơn : “Cờ Tổ quốc tung bay giữa sóng xanh, trời xanh, là ngọn sóng quê ta nơi đất mẹ Việt Nam. Hát Quốc ca giữa đảo Trường Sa mới thấy thiêng liêng tận đáy tim ta. Cờ Tổ

quốc tung bay giữa sóng xanh, trời xanh, là ngọn sóng quê ta nơi đất mẹ Việt Nam. Hát Quốc ca giữa đảo Trường Sa mới thấy thiêng liêng tận đáy tim ta...”. Lời ca như lời khẳng định mạnh mẽ về chủ quyền và quyết tâm giữ vững chủ quyền của dân tộc Việt Nam.

Đến với ngày hội **“Em yêu biển, đảo Việt Nam”**, chúng ta sẽ được tham gia các hoạt động như: Xem triển lãm hình ảnh, phim tư liệu về biển, đảo Việt Nam; triển lãm tranh vẽ, các sáng tác thơ văn, các lá thư của các em thiếu nhi viết gửi cho

em lại thể hiện ý tưởng “Biên giới nước ta đang trong nguy cơ bị bọn bành trướng nước ngoài chiếm đóng, các chú bộ đội ngày đêm canh gác rất vất vả và nguy hiểm đến tính mạng. Có em còn đưa ra ý tưởng về việc vẽ những nhân vật trong truyện Thần đồng đất Việt. Lý giải cho ý tưởng này, học sinh đó cho biết: “Trong một lần đọc được tập 1 với tựa đề “Khẳng định chủ quyền” trong bộ truyện Thần đồng đất Việt mang tên “Hoàng Sa và Trường Sa”, em đã rất tâm đắc với hình ảnh thiếu niên Việt Nam đầu còn để tóc trái đào nhưng đã thể hiện được lòng yêu nước bằng việc khẳng định Hoàng Sa - Trường Sa là của Việt Nam. Thông qua hình ảnh này, em muốn nói rằng, mọi người dân Việt Nam từ già đến trẻ đều có chung lòng yêu nước.



Và tình yêu ấy chỉ khác nhau về cách thể hiện mà thôi”. Có thể nói, đến với các hội thi này, bên cạnh những nét vẽ hồn nhiên về sóng vỗ rì rào, những hòn đảo, con tàu xuôi ngược..., các em thiếu nhi đã sưu tầm tranh ảnh về cuộc sống của dân và quân trên huyện đảo Trường Sa, huyện đảo Hoàng Sa. Đó là hình ảnh chú bộ đội hiên ngang ôm súng đứng gác ở cột mốc chủ quyền của Tổ quốc, là bước chân dũng cảm tuần tra suốt ngày đêm để trẻ em tung tăng mỗi buổi sáng đến trường và nuôi dưỡng những

ước mơ trở thành lính đảo trong tương lai. Đó còn là những tư liệu về lịch sử khẳng định chủ quyền Việt Nam về 2 quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa... Ôi thật là: “Sóng biển trắng như mây trời tụ lắng/ Suốt ngày đêm hoa sóng mãi dâng đầy/ Nơi thiêng liêng chủ quyền bờ cõi/ Những con tàu tuần tiểu phía chân mây/ Biển quê ta có Hoàng Sa, Trường Sa/ Có Cồn Cỏ, Cô Tô, Phú Quốc.../ Vùng hải đảo Tây Nam và Đông Bắc/ Dương cánh cung phen đậu giữ quê nhà...”./.

N.T.V

TIN TỨC

THỪA THIÊN HUẾ TRIỂN KHAI VÒNG CHUNG KHẢO CẤP TỈNH CUỘC THI “TÌM HIỂU HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM”



Cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến nay đã hoàn tất vòng thi sơ khảo ở cấp huyện. Nhằm đánh giá công tác thực hiện thời gian qua và tiếp tục triển khai vòng chung khảo ở cấp tỉnh, ngày 29 tháng 6 năm 2015, Ban Tổ chức, Ban Giám khảo Cuộc thi của tỉnh đã tổ chức họp bàn về vấn đề trên.

Theo kết quả tổng hợp của Sở Tư pháp – cơ quan thường trực cuộc thi, công tác triển khai, hướng dẫn, đôn đốc được thực hiện theo quy định, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở. Nhiều hình thức thông tin, truyền thông về cuộc

thi đã tác động hiệu quả đến việc thu hút người dự thi, như: Đăng tin trên sóng truyền thanh, truyền hình của Đài Phát thanh, Truyền hình cấp tỉnh, cấp huyện, Báo Thừa Thiên Huế; trang thông tin điện tử của cơ quan, địa phương; Bản tin Tư pháp; hệ thống loa truyền thanh cơ sở; cổ động trực quan bằng băng rôn, panô; giới thiệu gương điển hình, tích cực tham gia cuộc thi trên Báo Thừa Thiên Huế; ở cơ sở, những người đứng đầu cụm dân cư còn trực tiếp vận động, hỗ trợ để Nhân dân tham gia cuộc thi... Với sự quan tâm của các cấp, các ngành, các tầng lớp Nhân dân đã tích cực tham gia, đạt số lượng bài dự thi là 71.570 bài. Trong đó, số bài thi vào vòng chung khảo ở cấp tỉnh là 220 bài. Nhìn chung, các bài thi có hình thức đẹp (đóng bìa cứng, in màu, có hình ảnh minh họa, một số bài thi được viết tay...). Nội dung bài thi có sự đầu tư, nghiên cứu, sát đúng với yêu cầu, phản ánh cơ bản đầy đủ, sinh động ý nghĩa, tầm quan trọng các nội dung của bản Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh kết quả đạt được, trong quá trình triển khai còn một số hạn chế, vướng mắc, như: Có đơn vị nộp bài thi không đúng Thẻ lệ cuộc thi; đối tượng dự thi không đồng đều.

Để bảo đảm tiến độ, chất lượng công việc trong thời gian còn lại, qua ý kiến thảo luận của các thành viên dự họp, ông Dương Quang Tương -

Giám đốc Sở Tư pháp - Phó Trưởng ban thường trực Ban Tổ chức cuộc thi cấp tỉnh - Chủ trì cuộc họp đã kết luận một số nội dung quan trọng. Theo đó, các thành viên Ban Giám khảo thực hiện chấm thi tập trung theo đúng quy định. Bảo đảm các mốc thời gian quan trọng trong công tác tổ chức, đến cuối tháng 7 gửi bài dự thi Trung ương và tháng 8 tổ chức Tổng kết, trao giải tại Ủy ban nhân dân tỉnh. Bên cạnh công tác tổ chức chấm thi, các cơ quan tiếp tục thông tin, truyền thông về cuộc thi cũng như tuyên truyền, phổ biến ý nghĩa, nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 2013 đạt mục đích, yêu cầu cuộc thi đề ra.

Nguyễn Thị Đào

PHÚ VANG TỔNG KẾT CUỘC THI VIẾT “TÌM HIỂU HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” 70% BÀI DỰ THI ĐẠT CHẤT LƯỢNG TỐT

Ngày 02 tháng 7 năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện Phú Vang tổ chức Tổng kết và trao giải cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Đồng chí Dương Quang Tương - Giám đốc Sở Tư pháp - Phó Trưởng ban thường trực Ban Tổ chức cuộc thi tỉnh Thừa Thiên Huế đến dự và phát biểu tại Hội nghị.

Xác định cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ



nghĩa Việt Nam” là một trong những nội dung trọng tâm, có ý nghĩa triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013, Ban Tổ chức cuộc thi huyện Phú Vang đã tổ chức phát động, triển khai, huy động các cơ quan, ban, ngành tích cực thông tin và truyền thông về cuộc thi. Nội dung câu hỏi, thể lệ, nguồn tài liệu tham khảo được đăng tải đầy đủ qua Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện và giới thiệu thường xuyên qua Đài Phát thanh huyện, hệ thống loa truyền thanh ở cơ sở; tổ chức quán triệt đảng viên, cán bộ qua sinh hoạt của các Chi bộ, Đảng bộ, đoàn thể; vận động quần chúng nhân dân hưởng ứng tham gia tại các buổi họp thôn, xóm. Ban Tổ chức thường xuyên theo dõi, kiểm tra tình hình tham gia và nộp bài dự thi của các đối tượng, kịp thời chỉ đạo, khắc phục tình trạng một số cơ quan, đơn vị tham gia mang tính đối phó, hình thức, bài thi vi phạm Thể lệ cuộc thi, việc chấm thi và lưu trữ bài thi đúng quy định. Trong quá trình chấm thi, Ban Tổ chức lựa chọn những bài thi có câu trả

lời hay, có chất lượng liên quan thiết thực với người dân địa phương đọc trên hệ thống loa truyền thanh để phát huy hiệu quả tuyên truyền Hiến pháp một cách thực tế, gần gũi.

Kết quả qua hơn 6 tháng phát động cuộc thi trên địa bàn huyện, đã nhận được 6.420 bài dự thi của 112 đơn vị. Theo thống kê có 70% bài dự thi chất lượng tốt, hình thức đẹp, nhiều bài đầu tư công phu, sưu tầm tư liệu, hình ảnh minh họa. Ban tổ chức đã trao 10 giải thưởng cho tập thể và cá nhân tích cực tham gia và có bài thi đạt chất lượng. Trong đó, giải nhất tập thể thuộc về trường Trung học phổ thông Phan Đăng Lưu, cá nhân là bà Hồ Thị Tú Oanh - Giáo viên trường Trung học phổ thông Phan Đăng Lưu. Tại Hội nghị, các tập thể, cá nhân đạt giải cao đã phát biểu, thể hiện sự quan tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo cũng như sự nghiên cứu, tìm hiểu từ quy định của Hiến pháp, pháp luật đến liên hệ những vấn đề mang tính thực tiễn sâu sắc, ý nghĩa; thể hiện được quá trình thay đổi nhận thức, tư duy của mỗi người qua từng giai đoạn tìm hiểu, làm bài thi. Đó cũng chính là kết quả của tất cả những người đã tham gia vào cuộc thi viết “*Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”.

Đồng chí Dương Quang Tương - Giám đốc Sở Tư pháp - Phó Trưởng ban thường trực Ban Tổ chức cuộc thi cấp tỉnh nhận định, Phú Vang là một

trong những đơn vị tổng kết sớm và làm tốt công tác triển khai, kết quả cuộc thi và chất lượng các bài dự thi đã chứng minh điều đó, nhiều bài thi có sự liên hệ vận dụng sâu sắc, gắn trách nhiệm của cá nhân trong thực thi và bảo vệ Hiến pháp nước nhà. Thay mặt Ban Tổ chức cuộc thi của tỉnh, đồng chí ghi nhận và biểu dương tinh thần hưởng ứng nhiệt tình, trách nhiệm của các tập thể, cá nhân huyện Phú Vang qua cuộc thi này, tiếp tục thể hiện là đơn vị đạt nhiều kết quả tốt trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của tỉnh nhà./.

Nguyễn Thị Đào

HƯƠNG THỦY TỔNG KẾT VÀ TRAO GIẢI THƯỞNG CUỘC THI VIẾT “TÌM HIỂU HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM”

Sáng ngày 07/7/2015, UBND thị xã Hương Thủy tổ chức tổng kết và trao giải thưởng cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Đến dự buổi lễ có ý nghĩa này có các đồng chí: Dương Quang Tương, Giám đốc Sở Tư pháp - Phó Trưởng ban Thường trực cuộc thi cấp tỉnh; đồng chí Lê Ngọc Sơn, Phó Bí thư Thường trực Thị ủy; Lê Văn Chung, Phó Chủ tịch UBND thị xã - Trưởng Ban Tổ chức cuộc thi thị xã; đại diện

lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn...

Sau hơn 6 tháng phát động cuộc thi, Ban Tổ chức đã nhận được gần 6926 bài dự thi của 115 đơn vị, tặng gần 2000 bài so với dự kiến ban đầu, là kết quả đáng ghi nhận của cuộc thi. Đối tượng tham dự cuộc thi đa dạng gồm cán bộ, công chức, viên chức, bí thư chi bộ, tổ trưởng dân phố, cán bộ hưu trí, hội viên phụ nữ, đoàn viên thanh niên, nông dân, giáo viên, học sinh,... nhiều người tham gia là các bác, các cụ đã cao tuổi. Đặc biệt, có Hội viên Hội Cựu chiến binh trên 90 tuổi vẫn hăng hái tìm hiểu để trả lời các câu hỏi với 40 trang giấy viết tay nắn nót, cẩn thận, thể hiện rõ sự quan tâm, tinh thần tích cực đối với cuộc thi. Có những bài thi dự thi trên 80 trang giấy in, được đầu tư công phu cả về mặt nội dung và hình thức với nhiều hình ảnh tư liệu liên quan đến Hiến pháp được in màu,



trình bày đẹp, minh họa sinh động cho từng câu trả lời; có mở đầu, kết thúc thể hiện sự nhiệt tình, trách nhiệm của công dân với đất nước. Một số bài thi đã đưa hình ảnh hoạt động của Thị ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể thị xã về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và có sự liên hệ vận dụng sâu sắc trách nhiệm của cá nhân (câu 9), gắn với thực tiễn phong trào toàn dân sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương... Chỉ với 8 câu hỏi tìm hiểu và 01 câu hỏi tự luận, nhưng nhiều bài viết đã làm nổi bật giá trị và vai trò to lớn của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Với tinh thần tham gia tích cực cuộc thi viết "Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" đã thể hiện ý thức chấp hành và bảo vệ Hiến pháp, pháp luật của công dân Việt Nam; xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong việc tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp; bảo đảm các quy định của Hiến pháp được tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành trong cán bộ, Nhân dân góp phần đẩy mạnh việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của thị xã.

Tại buổi lễ, Ban Tổ chức đã trao tặng

giải phong trào cho các tập thể có thành tích trong công tác tổ chức, phát động tham gia hưởng ứng cuộc thi với 01 giải Nhất cho xã Dương Hòa kèm theo tiền thưởng 1,5 triệu đồng; 02 giải Nhì (Phòng Giáo dục-Đào tạo, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh), mỗi giải trị giá 1 triệu đồng; 03 giải Ba (Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Cựu chiến binh thị xã, Công ty cổ phần dệt may Huế) mỗi giải trị giá 800 ngàn đồng và 06 giải Khuyến khích mỗi giải trị giá 500 ngàn đồng. Ban Tổ chức cũng đã trao tặng 01 giải Nhất kèm theo tiền thưởng 1,5 triệu đồng cho anh Trần Nguyên Hải, chuyên viên Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã; 02 giải Nhì, mỗi giải trị giá 1 triệu đồng; 03 giải Ba mỗi giải trị giá 800 ngàn đồng; 6 giải Khuyến khích trị giá mỗi giải 500 ngàn đồng và 2 giải phụ cho người cao tuổi tham gia cuộc thi và bài thi trình bày đẹp.

Phát biểu tổng kết cuộc thi, đồng chí Lê Văn Chung, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã - Trưởng Ban Tổ chức cuộc thi thị xã, khẳng định: *cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*



thị xã Hương Thủy đã thành công tốt đẹp, tạo được không khí thi đua sôi nổi, phấn khởi trong các cơ quan, đơn vị, trường học và các tầng lớp Nhân dân. Quá trình nghiên cứu, tìm hiểu để tham gia cuộc thi đã giúp cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò, ý nghĩa nội dung của Hiến pháp năm 2013. Trên cơ sở kết quả cuộc thi, các cơ quan, đơn vị, mặt trận, các đoàn thể và cơ quan thông tin đại chúng tại địa phương tiếp tục tuyên truyền, phổ biến sâu rộng tinh thần và nội dung Hiến pháp đến với mọi người dân. Từ đó, nêu cao ý thức tôn trọng, xây dựng, thi hành và bảo vệ Hiến pháp, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh./.

Trương Cường

Hà Nội, ngày 5 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố đáp án cuộc thi viết

“Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”

BAN TỔ CHỨC CUỘC THI

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 251/QĐ-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2157/QĐ-BTP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch của Bộ Tư pháp tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”;

Căn cứ Quyết định số 2768/QĐ-BTP ngày 20 tháng 10 năm 2014 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2157/QĐ-BTP ngày 22/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch của Bộ Tư pháp tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”;

Căn cứ Quyết định số 2159/QĐ-BTP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thành lập Ban Tổ chức và Tổ Thư ký giúp việc Ban Tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố đáp án cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký giúp việc Ban Tổ chức, Ban Giám khảo cuộc thi của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ban Tổ chức cuộc thi của Trung ương; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- PTTg CP Nguyễn Xuân Phúc (để b/c);
- Bộ trưởng Hà Hùng Cường (để b/c);
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; Bộ Ngoại giao (để biết);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để biết);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, Vụ PBGDPL.

**TM. BAN TỔ CHỨC CUỘC THI
TRƯỞNG BAN**

(Đã ký)

**THỨ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
Nguyễn Thúc Hiền**

ĐÁP ÁN

Cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”

(Ban hành kèm theo Quyết định số 850 /QĐ-BTC ngày 5 tháng 5 năm 2015 của Ban Tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” của Trung ương)

I. ĐIỂM NỘI DUNG TRẢ LỜI 09 CÂU HỎI (90 ĐIỂM)

Câu 1: Từ năm 1945 khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) đến nay, nước ta có mấy bản Hiến pháp? Các bản Hiến pháp đó được Quốc hội thông qua vào ngày, tháng, năm nào? (5,0 điểm)

Trả lời

1. Nêu được 05 bản Hiến pháp (2,5 điểm), cụ thể là:

- Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa năm 1946 (0,5 điểm);

- Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa năm 1959 (0,5 điểm);

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980 (0,5 điểm);

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (sửa

đổi, bổ sung năm 2001) (0,5 điểm);

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (0,5 điểm).

2. Nêu được ngày, tháng, năm thông qua các bản Hiến pháp (2,5 điểm), cụ thể như sau:

- Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa năm 1946 được thông qua ngày 09 tháng 11 năm 1946 (0,5 điểm);

- Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa năm 1959 được thông qua ngày 31 tháng 12 năm 1959 (0,5 điểm);

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980 được thông qua ngày 18 tháng 12 năm 1980 (0,5 điểm);

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (sửa

đổi, bổ sung năm 2001) được thông qua ngày 15 tháng 4 năm 1992 và được sửa đổi, bổ sung ngày 25 tháng 12 năm 2001 theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 (0,5 điểm);

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 được thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013 (0,5 điểm).

(Lưu ý: Trường hợp bài dự thi chỉ nêu tên các bản Hiến pháp là Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) và Hiến pháp năm 2013 thì vẫn tính điểm như trên).

Câu 2: Bản Hiến pháp mới được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28/11/2013 (Hiến pháp năm 2013) có hiệu lực từ ngày, tháng, năm nào? So với Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001) có bao nhiêu điều được giữ nguyên? Có bao nhiêu điều được sửa đổi, bổ sung? Điều sửa đổi, bổ sung nào bạn tâm đắc nhất? Vì sao? (10 điểm)

Trả lời

1. Nêu được ngày, tháng, năm có hiệu lực của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013: Ngày 01 tháng 01 năm 2014 (1,0 điểm);

2. Nêu được 02 điều giữ nguyên bao gồm: Điều 86, 91 (1,0 điểm).

3. Nêu được 106 Điều sửa đổi, bổ sung và 12 Điều bổ sung mới (5,0 điểm), cụ thể như sau:

- Nêu được 106 Điều sửa đổi bổ sung, bao gồm các Điều 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 87, 88, 89, 90, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 113, 114, 115, 116, 119, 120 (4,0 điểm);

- Nêu được 12 Điều bổ sung mới, bao gồm các Điều 19, 34, 41, 42, 43, 55, 63, 78, 111, 112, 117, 118 (1,0 điểm).

4. Nêu được Điều sửa đổi, bổ sung tâm đắc nhất và giải thích lý do vì sao lựa chọn (3,0 điểm), cụ thể như sau:

- Nêu được Điều sửa đổi, bổ sung tâm đắc nhất (Điều mới tâm đắc này phải là một trong các điều sửa đổi, bổ sung quan trọng của Hiến pháp năm 2013) (0,5 điểm);

- Nêu được lý do vì sao lựa chọn đó là điều tâm đắc nhất, bao gồm về tinh thần, nội dung, ý nghĩa của Điều luật đó (2,5 điểm).

Câu 3: Điều 2 Hiến pháp năm 2013 khẳng định “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm

chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân...”. Bạn hãy nêu và phân tích ngắn gọn các quy định của Hiến pháp năm 2013 về những cách thức để Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước (12 điểm).

Trả lời

1. Nêu được quy định của Hiến pháp năm 2013 về cách thức Nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước tại Điều 6: “Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước” (1,0 điểm).

2. Nêu và phân tích được các hình thức Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp (6,0 điểm), cụ thể như sau:

- Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng việc thực hiện các quyền tự do, dân chủ được quy định trong Hiến pháp (4,5 điểm), bao gồm:

+ Thực hiện quyền bầu cử, bãi nhiệm; quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại khoản 2 Điều 7 và Điều 27 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm);

+ Thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước của công dân quy định tại khoản 1 Điều 28 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm);

+ Thực hiện quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân quy định tại Điều 29 của Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm);

+ Thực hiện quyền tham gia xây dựng, thi hành và bảo vệ Hiến pháp quy định tại Lời nói đầu, khoản 3 và 4 Điều 120 của Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm);

+ Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo; quyền giám sát đối với cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 8 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm);

+ Thực hiện quyền làm việc trong các cơ quan Nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 35 của Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm).

- Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội khác do Nhân dân lập ra, bao gồm: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội cựu chiến binh Việt Nam và các tổ chức xã hội khác do Nhân dân lập ra. Khi các tổ chức này thực hiện chức năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội;

tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân; Quyền trình dự án luật, dự án pháp lệnh; phối hợp với Chính phủ, chính quyền địa phương trong thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn có liên quan; tham dự phiên họp của Chính phủ, các kỳ họp Hội đồng nhân dân và được mời tham dự hội nghị Ủy ban nhân dân khi bàn vấn đề có liên quan quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 84, khoản 8 Điều 96, Điều 101, khoản 1 và 2 Điều 116 của Hiến pháp năm 2013 (1,5 điểm).

3. Nêu và phân tích được các hình thức Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ đại diện (5,0 điểm), cụ thể như sau:

- Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân (3,0 điểm), bao gồm:

+ Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội và đại biểu Quốc hội quy định tại Điều 69, Điều 70, Điều 74, khoản 2 Điều 75 và khoản 2 Điều 76, khoản 1 Điều 77, Điều 79, Điều 80, Điều 82, khoản 2 Điều 84 của Hiến pháp năm 2013 (1,5 điểm);

+ Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại các Điều 113, Điều 115 của Hiến pháp năm 2013 (1,5 điểm).

- Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua các cơ quan khác của Nhà nước (2,0 điểm), bao gồm:

+ Nêu được quan điểm mới: Các cơ quan nhà nước (lập pháp, hành pháp, tư pháp) và chính quyền địa phương, các cơ quan Hiến định đều là cơ quan thực hiện quyền lực nhà nước do Nhân dân giao cho (0,5 điểm);

+ Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua các thiết chế Hiến định như: Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Chính quyền địa phương, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và các cơ quan nhà nước khác (1,0 điểm);

+ Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước và các cơ quan, tổ chức khác được giao thực thi quyền lực nhà nước (0,5 điểm).

Câu 4: Những quy định nào của Hiến pháp năm 2013 thể hiện tư tưởng đại đoàn kết dân tộc? (10 điểm).

Trả lời

1. Nêu được nguồn gốc, nền tảng của tư tưởng đại đoàn kết dân tộc thể hiện trong Hiến pháp năm 2013 (2,5 điểm), cụ thể như sau:

- Đoàn kết là truyền thống của dân tộc Việt Nam, đồng thời cũng là bộ phận cấu thành của nền văn hiến Việt Nam thể hiện trong Lời nói đầu của Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm);

- Đoàn kết thể hiện trong tư tưởng về chủ quyền nhân dân quy định tại khoản 2 Điều 2 Hiến pháp năm 2013 (1,0

điểm);

- Đoàn kết thể hiện trong tư tưởng về chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 5 Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm).

2. Nêu được tư tưởng về sự bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, không phân biệt đối xử giữa các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, giới tính, độ tuổi, tín ngưỡng, tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài trong sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (6,0 điểm), cụ thể như sau:

- Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong quy định về các giai cấp, tầng lớp, thành phần trong xã hội không phân biệt đều bình đẳng, có vị trí xứng đáng trong Hiến pháp như: công nhân, nông dân, đội ngũ trí thức, doanh nhân, doanh nghiệp, Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác, các thành phần kinh tế (1,0 điểm);

- Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong quy định về chính sách đối với các tôn giáo: Các tôn giáo không phân biệt đều bình đẳng trước pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 24 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm);

- Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong quy định về giới: Công dân nam,

nữ bình đẳng về mọi mặt, bình đẳng giới, tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện quy định tại Điều 26 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm);

- Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong quy định về chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài quy định tại Điều 18 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm);

- Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong quy định về chính sách đối với các nhóm đối tượng cụ thể trong xã hội như: Trẻ em, thanh niên, người cao tuổi, người có công với nước, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác quy định tại Điều 37, khoản 2 Điều 58, khoản 2 Điều 59 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm);

- Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong quy định về chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào ở miền núi, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại khoản 1 Điều 58, khoản 3 Điều 61 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm).

3. Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc thể hiện qua quy định về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận (1,5 điểm), cụ thể như sau:

- Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong quy định về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định tại khoản 1 Điều 9

của Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm);

- Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong quy định về vị trí, vai trò của Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam và các tổ chức thành viên khác của Mặt trận quy định tại khoản 2 Điều 9 của Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm);

- Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong quy định về Công đoàn quy định tại Điều 10 của Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm).

Câu 5: Những điểm mới của Hiến pháp năm 2013 so với Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân? Điểm mới nào bạn tâm đắc nhất? Vì sao? (15 điểm)

Trả lời

1. Nêu được những điểm mới của Hiến pháp năm 2013 so với Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (12 điểm), cụ thể như sau:

- Nêu được sự thay đổi trong tên gọi, vị trí của chương, số lượng điều khoản, cách thiết kế các điều khoản và nhận thức về quyền con người trong Hiến pháp năm 2013 (3,0 điểm), bao gồm:

+ Bổ sung “Quyền con người” vào tên chương (0,5 điểm);

+ Đưa từ vị trí chương V của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) lên vị trí chương II, đặt trang trọng sau chương I của Hiến pháp năm 2013, chuyển các quy định về quyền con người, quyền công dân tại các chương khác của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) về chương này; là chương có số lượng điều nhiều nhất so với các chương khác của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm);

+ Sắp xếp các điều khoản theo các nhóm quyền để bảo đảm tính thống nhất giữa quyền con người và quyền công dân, bảo đảm tính khả thi hơn (0,5 điểm);

+ Tách bạch và phân định rõ quyền con người với quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Hiến pháp năm 2013 đã sử dụng từ “mọi người” và từ “không ai” khi thể hiện quyền con người và dùng từ “công dân” khi quy định về quyền công dân; khẳng định giá trị, vai trò quan trọng của quyền con người, quyền cơ bản của công dân trong Hiến pháp; thể hiện quan điểm, nhận thức và quyết tâm của Việt Nam trong thực hiện cam kết tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người (1,0 điểm).

- Nêu được trách nhiệm của Nhà nước, nhận thức, tư duy mới, các nguyên tắc về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (1,5 điểm), bao gồm:

+ Đề cao trách nhiệm của Nhà nước trong công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân quy định tại Điều 3 Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm);

+ Thể hiện nhận thức và tư duy mới trong việc ghi nhận quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp năm 2013; bổ sung nguyên tắc hạn chế quyền phù hợp với các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên quy định tại Điều 14 Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm);

+ Khẳng định và quy định rõ hơn các nguyên tắc về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo hướng quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân quy định tại Điều 15 Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm).

- Bổ sung một số quyền mới là thành tựu của gần 30 năm đổi mới, thể hiện rõ hơn trách nhiệm của Nhà nước trong bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân như: Quyền sống (Điều 19); Quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác (Điều 20); Quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư (Điều 21); Quyền được bảo đảm an sinh xã hội (Điều 34); Quyền kết hôn, ly hôn (Điều 36); Quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa (Điều 41); Quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn

ngôn ngữ giao tiếp (Điều 42); Quyền được sống trong môi trường trong lành (Điều 43) (3,5 điểm).

- Sửa đổi, bổ sung nhiều điều quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân như: Mở rộng chủ thể có quyền bình đẳng, không bị phân biệt, đối xử về mọi mặt thành quyền của mọi người; nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác thành nghĩa vụ của mọi người (Điều 15; Điều 16); khẳng định trách nhiệm của Nhà nước trước công dân của mình (Điều 17); khẳng định mọi người đều được hưởng quyền bất khả xâm phạm về thân thể (Điều 20); quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình (khoản 1, Điều 21); bóc tách riêng quyền có nơi ở; ghi nhận quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở (Điều 22); Quyền tự do đi lại và cư trú, ra nước ngoài và từ nước ngoài trở về (Điều 23); Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo hoặc không theo tôn giáo (Điều 24); Quyền khiếu nại, tố cáo (Điều 30); sửa đổi về chủ thể trong nghĩa vụ nộp thuế, theo đó mọi người có nghĩa vụ nộp thuế theo luật định (chứ không chỉ là công dân Việt Nam) (Điều 47) (4,0 điểm).

2. Nêu được điểm mới tâm đắc nhất và giải thích rõ lý do vì sao lựa chọn (3,0 điểm), cụ thể như sau:

- Nêu được điểm mới tâm đắc nhất (điểm mới tâm đắc này phải là một

trong các điều sửa đổi, bổ sung quan trọng của Hiến pháp năm 2013) (0,5 điểm);

- Nêu được lý do vì sao lựa chọn đó là điều tâm đắc nhất, bao gồm tinh thần, nội dung, ý nghĩa của điểm mới tâm đắc nhất đó (2,5 điểm).

Câu 6: Những điểm mới, quan trọng về vị trí, chức năng của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân trong Hiến pháp năm 2013. Phân tích điểm mới về mối quan hệ giữa các cơ quan đó trong thực hiện quyền lực Nhà nước? (12 điểm).

Trả lời

1. Nêu được những điểm mới, quan trọng về vị trí, chức năng của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân trong Hiến pháp năm 2013 (6,0 điểm), cụ thể như sau:

- Nêu được những điểm mới, quan trọng về vị trí, chức năng của Quốc hội theo Điều 69 của Hiến pháp năm 2013 so với Điều 83 của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) (2,0 điểm), bao gồm:

+ Chức năng của Quốc hội được quy định khái quát hơn, bao gồm thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước (1,0 điểm);

+ Tách quyền lập hiến khỏi quyền lập pháp, coi đây là hai quyền độc lập; thu hẹp phạm vi thẩm quyền của Quốc hội trong thực hiện quyền lập hiến, lập

pháp (bỏ cụm từ là cơ quan duy nhất) (0,5 điểm);

+ Điều chỉnh một số nội dung liên quan đến chức năng của Quốc hội: Hiến pháp thay quy định mang tính liệt kê “Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, những nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân” tại Điều 83 của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) bằng quy định khái quát: “Quốc hội quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước”; thu hẹp phạm vi giám sát tối cao của Quốc hội - thay cụm từ “giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước” trong Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) thành “giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước” (0,5 điểm).

- Nêu được những điểm mới, quan trọng về vị trí, chức năng của Chính phủ theo Điều 94 của Hiến pháp năm 2013 so với Điều 109 của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) (2,0 điểm), bao gồm:

+ Bổ sung chức năng “Chính phủ thực hiện quyền hành pháp” (01 điểm);

+ Đổi vị trí của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam lên trên vị trí là cơ quan

chấp hành của Quốc hội (0,5 điểm);

+ Không quy định nội dung có tính liệt kê các nhiệm vụ gắn với chức năng của Chính phủ như Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001): “Chính phủ thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Nhà nước; bảo đảm hiệu lực của bộ máy Nhà nước từ trung ương đến cơ sở; bảo đảm việc tôn trọng và chấp hành Hiến pháp và pháp luật; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm ổn định và nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân” (0,5 điểm).

- Nêu được những điểm mới, quan trọng về vị trí, chức năng của Tòa án nhân dân tại Điều 102 của Hiến pháp năm 2013 so với Điều 126 và Điều 127 của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) (2,0 điểm), bao gồm:

+ Bổ sung chức năng “Tòa án nhân dân là cơ quan thực hiện quyền tư pháp” (1,0 điểm);

+ Quy định khái quát chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân (0,5 điểm);

+ Bổ sung và đặt lên hàng đầu nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân của Tòa án nhân dân (0,5 điểm).

2. Phân tích điểm mới về mối quan hệ giữa Quốc hội, Chính phủ, Tòa án

nhân dân trong thực hiện quyền lực Nhà nước (6,0 điểm), cụ thể như sau:

- Xác định rõ cơ chế phân công giữa Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân trong thực hiện quyền lực nhà nước (2,0 điểm), bao gồm:

+ Nêu được Quốc hội thực hiện quyền lập pháp, Chính phủ thực hiện quyền hành pháp, Tòa án nhân dân thực hiện quyền tư pháp (1,0 điểm);

+ Khẳng định vị trí độc lập tương đối của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân trong thực hiện quyền lực nhà nước; xác định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân trong thực hiện quyền lực nhà nước (1,0 điểm).

- Quy định và làm rõ hơn cơ chế phối hợp giữa Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân trong thực hiện quyền lực nhà nước (2,0 điểm), bao gồm:

+ Quy định rõ, khả thi và phù hợp hơn thẩm quyền của Quốc hội trong việc quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước quy định tại khoản 3 Điều 70 của Hiến pháp năm 2013 để xác định rõ hơn vai trò, trách nhiệm, quyền quyết định của Quốc hội và quyền quản lý, điều hành của Chính phủ; bổ sung thẩm quyền của Quốc hội trong quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ quy định tại khoản 4 Điều 70 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm);

+ Bổ sung thẩm quyền của Quốc hội trong việc phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định tại khoản 7 Điều 70 của Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm);

+ Bổ sung thẩm quyền của Chính phủ trong đề xuất, xây dựng chính sách trình Quốc hội quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan hành pháp quy định tại Điều 96 của Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm).

- Quy định về cơ chế kiểm soát quyền lực giữa Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp (2,0 điểm), bao gồm:

+ Bổ sung nguyên tắc kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp quy định tại khoản 3 Điều 2 của Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm);

+ Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước trong đó có Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao (bao gồm giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo công tác của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao) quy định tại Điều 69 và khoản 2 Điều 70 của Hiến pháp năm 2013 (0,5 điểm);

+ Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân

dân tối cao chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội quy định tại Điều 94 và khoản 2 Điều 105 (0,5 điểm);

+ Làm rõ các cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước với nhau (kiểm soát bên trong) và kiểm soát quyền lực từ phía nhân dân, kiểm soát quyền lực thông qua việc tăng cường năng lực của các thiết chế kiểm soát chuyên nghiệp (0,5 điểm).

Câu 7: Cấp chính quyền địa phương quy định trong Hiến pháp năm 2013 gồm những cơ quan nào? Bạn hãy nêu nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với Nhân dân (5,0 điểm).

Trả lời

1. Chỉ rõ cấp chính quyền địa phương quy định trong Hiến pháp năm 2013 bao gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quy định tại khoản 2 Điều 111 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm);

2. Nêu được vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được quy định tại Điều 113 và Điều 114 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm).

3. Nêu được nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với Nhân dân (3,0 điểm), cụ thể như sau:

- Nêu được nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương được quy

định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 112 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm);

- Nêu được trách nhiệm cụ thể của chính quyền địa phương đối với Nhân dân (2,0 điểm), bao gồm:

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Nhà nước đối với Nhân dân được quy định tại các Điều 3 và Điều 8 Hiến pháp năm 2013 như: Bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; phải tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền (1,0 điểm);

+ Thực hiện chế độ thông báo tình hình của địa phương; lắng nghe ý kiến, kiến nghị về xây dựng chính quyền và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; động viên Nhân dân cùng Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương được quy định tại khoản 1 Điều 116 của Hiến pháp năm 2013 (1,0 điểm).

Câu 8: Hiến pháp năm 2013 quy định

như thế nào về trách nhiệm của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân đối với cử tri và Nhân dân? (5,0 điểm)

Trả lời

1. Nêu được trách nhiệm của đại biểu Quốc hội đối với cử tri và Nhân dân theo quy định của Hiến pháp năm 2013 (3,0 điểm), cụ thể như sau:

- Nêu được nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 79 của Hiến pháp năm 2013 (2,0 điểm), bao gồm:

+ Liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng của cử tri với Quốc hội, các cơ quan, tổ chức hữu quan; thực hiện chế độ tiếp xúc và báo cáo với cử tri về hoạt động của đại biểu và của Quốc hội; trả lời yêu cầu và kiến nghị của cử tri; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và hướng dẫn, giúp đỡ việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo (1,5 điểm);

+ Phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật (0,5 điểm).

- Nêu được nội dung của Điều 80 Hiến pháp năm 2013 quy định về chất vấn Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước; thực hiện quyền yêu cầu cơ quan, tổ

chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó (0,5 điểm);

- Nêu được nội dung của Điều 82 Hiến pháp năm 2013 quy định về việc thực hiện đầy đủ nhiệm vụ đại biểu, có quyền tham gia làm thành viên của Hội đồng dân tộc hoặc Ủy ban của Quốc hội (0,5 điểm).

2. Nêu được trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân đối với cử tri và Nhân dân theo quy định tại Điều 115 của Hiến pháp năm 2013 (2,0 điểm), cụ thể như sau:

- Trách nhiệm đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương; liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, thực hiện chế độ tiếp xúc, báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân, trả lời những yêu cầu, kiến nghị của cử tri; xem xét, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo (1,0 điểm);

- Trách nhiệm vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, động viên Nhân dân tham gia quản lý nhà nước (0,5 điểm);

- Chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các thành viên khác của Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân; kiến nghị với các cơ quan

nhà nước, tổ chức, đơn vị ở địa phương (0,5 điểm).

Câu 9: "... Nhân dân Việt Nam xây dựng, thi hành và bảo vệ Hiến pháp này vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" (trích Lời nói đầu Hiến pháp năm 2013). Theo bạn, Nhà nước và mỗi người dân có trách nhiệm làm gì và làm như thế nào để thi hành và bảo vệ Hiến pháp? (16 điểm)

Trả lời

1. Trách nhiệm của Nhà nước (6,0 điểm), cụ thể như sau:

- Tổ chức thi hành Hiến pháp năm 2013 (3,0 điểm), bao gồm:

+ Kịp thời ban hành các văn bản đề hướng dẫn, triển khai thi hành Hiến pháp; rà soát, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các văn bản trái với Hiến pháp (1,0 điểm);

+ Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan nhà nước phù hợp với quy định của Hiến pháp (1,0 điểm);

+ Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra để các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bảo đảm tuân thủ, chấp hành các quy định của Hiến pháp (1,0 điểm).

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung, tinh thần của Hiến pháp đến cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân nhằm nâng cao nhận thức

về Hiến pháp và ý thức chấp hành Hiến pháp trong cán bộ, Nhân dân (1,0 điểm).

- Tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp; gương mẫu tuân thủ Hiến pháp; thực hiện đúng đắn và đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ được giao trong Hiến pháp (1,0 điểm).

- Triển khai các biện pháp cần thiết nhằm đảm bảo thi hành Hiến pháp (bảo đảm các điều kiện cần thiết về nguồn nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm Hiến pháp; huy động các nguồn lực xã hội tham gia thi hành và bảo vệ Hiến pháp và pháp luật); xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp (1,0 điểm).

2. Trách nhiệm của mỗi người dân (6,0 điểm), cụ thể như sau:

- Chủ động học tập, tìm hiểu; nhận thức đầy đủ nội dung, tinh thần của Hiến pháp để nâng cao ý thức, xây dựng tình cảm tôn trọng, chấp hành Hiến pháp (2,0 điểm);

- Thực hiện nghiêm chỉnh và tuân

theo Hiến pháp, bảo vệ Hiến pháp khỏi mọi hành vi vi phạm (1,0 điểm);

- Hiểu biết đầy đủ các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; vận dụng nội dung, tinh thần của Hiến pháp để thực hiện và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình (2,0 điểm);

- Tham gia giám sát cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức, cá nhân trong việc tuân theo Hiến pháp, góp phần bảo vệ Hiến pháp (1,0 điểm);

3. Liên hệ với bản thân trong việc thi hành, bảo vệ Hiến pháp (4,0 điểm).

II. ĐIỂM HÌNH THỨC BÀI DỰ THI (10 ĐIỂM)

Hình thức trình bày đẹp, công phu, sinh động, có tranh ảnh tư liệu minh họa phong phú, có trích dẫn tài liệu tham khảo cụ thể, văn phong rõ ràng, mạch lạc, đúng thể thức, kỹ thuật, ít lỗi chính tả. Giám khảo cho điểm hình thức của bài dự thi dựa trên đánh giá hình thức trình bày của từng câu, mỗi câu tương ứng với 1 điểm hình thức và có 1 điểm hình thức cho toàn bài.

**TM. BAN TỔ CHỨC CUỘC THI
TRƯỞNG BAN
(Đã ký)**

**THỨ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
Nguyễn Thúy Hiền**

BỘ TƯ PHÁP
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI VIẾT
“TÌM HIỂU HIẾN PHÁP NƯỚC
CHXHCN VIỆT NAM”
CỦA TRUNG ƯƠNG
Số: 851 /QĐ-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 5 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế chấm bài dự thi cuộc thi viết
“Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”**

BAN TỔ CHỨC CUỘC THI

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 251/QĐ-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2157/QĐ-BTP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch của Bộ Tư pháp tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”;

Căn cứ Quyết định số 2768/QĐ-BTP ngày 20 tháng 10 năm 2014 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2157/QĐ-BTP ngày 22/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch của Bộ Tư pháp tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”;

Căn cứ Quyết định số 2159/QĐ-BTP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thành lập Ban Tổ chức và Tổ thư ký giúp việc Ban Tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế chấm bài dự thi cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký giúp việc Ban Tổ chức, Ban Giám khảo cuộc thi của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ban Tổ chức cuộc thi của Trung ương; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ trưởng Hà Hùng Cường (để báo cáo);
- Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Bộ Ngoại giao (để biết);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để biết);
- Lưu: VT, PBGDPL.

**TM. BAN TỔ CHỨC CUỘC THI
TRƯỞNG BAN**

(Đã ký)

**THỨ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
Nguyễn Thúy Hiền**

QUY CHẾ

Chấm bài dự thi cuộc thi viết

“Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”

(Ban hành kèm theo Quyết định số 851 /QĐ-BTC

ngày 5 tháng 5 năm 2015 của Ban Tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” của Trung ương)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc chấm bài dự thi cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (sau đây gọi tắt là cuộc thi); trách nhiệm của Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký giúp việc Ban Giám khảo cuộc thi của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ban Tổ chức cuộc thi của Trung ương (sau đây gọi chung là Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký) trong quá trình chấm bài dự thi; tổ chức chấm, công nhận kết quả cuộc thi; giải quyết khiếu nại, tố cáo về điểm bài dự thi và những nội dung có liên quan đến chấm bài dự thi.

2. Quy chế này được áp dụng thống nhất trong quá trình tổ chức việc chấm bài dự thi của cuộc thi trong phạm vi cả nước, bao gồm:

a) Chấm bài dự thi vòng sơ khảo của Ban Tổ chức cuộc thi các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cấp tỉnh), Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và bài dự thi của người Việt Nam ở nước ngoài;

b) Chấm bài dự thi vòng chung khảo của Ban Tổ chức cuộc thi của Trung ương.

Điều 2. Nguyên tắc chấm bài dự thi

1. Trung thực, khách quan, chính xác, công bằng, công khai thang điểm chấm bài và kết quả chấm bài dự thi.

2. Đúng Thể lệ cuộc thi và đáp án, thang điểm do Ban Tổ chức cuộc thi của Trung ương công bố.

3. Đề cao trách nhiệm cá nhân của thành viên Ban Giám khảo trong quá trình chấm bài dự thi.

4. Bài dự thi được chấm theo thang điểm 100, lấy đến 0,5 điểm, không quy tròn điểm.

Điều 3. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc chấm bài dự thi

1. Khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc chấm bài dự thi và xét giải thưởng cuộc thi ở cấp nào do Ban Tổ chức cuộc thi ở cấp đó xem xét, giải quyết.

2. Quyết định của Ban Tổ chức cuộc thi là kết quả giải quyết cuối cùng.

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔ CHỨC, BAN GIÁM KHẢO, TỔ THƯ KÝ GIÚP VIỆC BAN GIÁM KHẢO TRONG QUÁ TRÌNH CHẤM BÀI DỰ THI

Điều 4. Trách nhiệm của Ban Tổ chức cuộc thi trong quá trình chấm bài dự thi

1. Quyết định việc thành lập; thay đổi, bổ sung thành viên Ban Giám khảo, Tổ thư ký giúp việc Ban Giám khảo để giúp Ban Tổ chức đánh giá các bài dự thi;

2. Quyết định loại bỏ các bài dự thi không hợp lệ quy định tại Thẻ lệ của cuộc thi theo đề xuất của Trưởng Ban Giám khảo;

3. Kiểm tra, giám sát việc tổ chức chấm bài dự thi; quyết định việc chấm kiểm tra (trong trường hợp cần thiết);

4. Chỉ đạo, giải quyết các vấn đề vướng mắc, khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức chấm bài dự thi;

5. Công nhận kết quả chấm điểm và quyết định việc xếp giải bài dự thi.

Điều 5. Tiêu chuẩn, trách nhiệm của Trưởng Ban Giám khảo và thành viên Ban Giám khảo

1. Trưởng Ban Giám khảo và các

thành viên Ban Giám khảo phải là các chuyên gia am hiểu về pháp luật, có tinh thần trách nhiệm cao.

2. Trưởng Ban Giám khảo có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức việc chấm bài dự thi; sắp xếp, bố trí thành viên Ban Giám khảo chấm bài dự thi theo đúng quy định của Quy chế này;

b) Theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc việc chấm bài dự thi; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình chấm bài dự thi;

c) Đề nghị Ban Tổ chức quyết định loại bỏ các bài dự thi không hợp lệ theo Thẻ lệ cuộc thi mà thành viên Ban Giám khảo phát hiện được trong quá trình chấm bài dự thi;

d) Trình Ban Tổ chức kết quả chấm điểm bài dự thi;

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc chấm bài dự thi theo yêu cầu của Ban Tổ chức;

e) Thực hiện trách nhiệm của thành viên Ban Giám khảo khi tham gia chấm bài dự thi.

2. Thành viên Ban Giám khảo có trách nhiệm sau đây:

a) Tiếp nhận đáp án, tài liệu phục vụ việc chấm bài dự thi;

b) Tiếp nhận bài dự thi để chấm theo phân công của Trưởng Ban Giám khảo; thực hiện việc chấm, cho điểm đối với bài dự thi theo Quy chế này;

c) Phát hiện, kiến nghị với Trưởng Ban Giám khảo xử lý các bài dự thi vi phạm Thẻ lệ cuộc thi trong quá trình thực hiện chấm bài dự thi;

d) Tuân thủ các quy định về chấm bài dự thi theo quy định tại Quy chế này;

đ) Đánh giá kết quả bài dự thi công tâm, chính xác, khách quan, công bằng, đúng đáp án, chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Giám khảo và Ban Tổ chức về cách đánh giá và cho điểm đối với bài dự thi; kịp thời báo cáo Trưởng Ban Giám khảo về những vấn đề phát sinh trong quá trình chấm bài dự thi;

e) Bảo đảm tiến độ chấm bài dự thi theo sự phân công của Trưởng Ban Giám khảo;

g) Giữ gìn, bảo quản, chuyển lại bài dự thi và thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Trưởng Ban Giám khảo;

h) Thành viên Ban Giám khảo vắng mặt tại buổi chấm bài dự thi phải thông báo trước cho Trưởng Ban Giám khảo. Trường hợp Trưởng Ban Giám khảo vắng mặt phải thông báo trước cho Trưởng Ban Tổ chức cuộc thi;

i) Được hưởng thù lao và chế độ theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm của Tổ Thư ký giúp việc Ban Giám khảo

1. Tham mưu, giúp việc Ban Giám khảo trong quá trình chấm bài dự thi.

2. Tiếp nhận, lập danh sách và tổng hợp kết quả tiếp nhận bài dự thi; rà soát, phân loại, phát hiện và đề xuất Trưởng Ban Giám khảo đề nghị Ban Tổ chức xem xét, quyết định loại bỏ các bài dự thi không hợp lệ theo Thể lệ của cuộc thi.

3. Lập danh sách các bài dự thi không hợp lệ theo Thể lệ của cuộc thi do Giám khảo phát hiện trong quá trình chấm bài dự thi báo cáo Trưởng Ban Giám khảo đề nghị Ban Tổ chức xem xét, quyết định loại bỏ.

4. Thu phiếu chấm điểm bài dự thi, xử lý kỹ thuật về chênh lệch điểm và tổng hợp kết quả chấm điểm bài dự thi báo cáo Trưởng Ban Giám khảo; lập danh sách bài dự thi theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp.

5. Ghi biên bản chấm bài dự thi; chuẩn bị tài liệu, báo cáo để Trưởng Ban Giám khảo báo cáo Ban Tổ chức cuộc thi.

6. Thành viên Tổ Thư ký làm việc tích cực, trung thực, khách quan và chính xác; không tiết lộ thông tin, kết quả trước khi cuộc thi kết thúc.

7. Thành viên Tổ Thư ký chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Giám khảo và Trưởng Ban Tổ chức cuộc thi về việc thực hiện trách nhiệm được giao; được hưởng thù lao, chế độ theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC CHẤM BÀI DỰ THI VÀ TỔNG HỢP KẾT QUẢ

Điều 7. Các bài dự thi không hợp lệ

1. Bài dự thi không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đối tượng dự thi là các thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký giúp việc Ban Tổ chức, Ban Giám

khảo hoặc không phải là đối tượng dự thi được quy định tại Thể lệ cuộc thi;

b) Không bảo đảm yêu cầu về nội dung, hình thức, thời gian gửi bài dự thi theo quy định tại Thể lệ cuộc thi;

2. Việc quyết định bài dự thi không hợp lệ ở cấp nào do Ban Tổ chức cuộc thi ở cấp đó xem xét, quyết định. Quyết định của Ban Tổ chức là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành.

3. Không thực hiện việc chấm đối với các bài dự thi không hợp lệ.

Điều 8. Tổ chức chấm bài dự thi

1. Trước khi tổ chức chấm bài dự thi, Trưởng Ban Giám khảo quán triệt đến thành viên Ban Giám khảo Quy chế chấm bài dự thi, đáp án thang điểm, phiếu chấm điểm bài dự thi và các tài liệu phục vụ việc chấm bài dự thi.

2. Việc chấm bài dự thi được thực hiện tập trung tại một địa điểm do Ban Tổ chức bố trí. Trưởng Ban Giám khảo chỉ đạo phát bài dự thi để các Giám khảo thực hiện việc chấm bài dự thi trong từng buổi.

3. Giám khảo chấm điểm theo từng câu, từng ý của bài dự thi, tổng hợp, ghi điểm vào phiếu chấm điểm bài dự thi và ký, ghi rõ họ tên.

4. Trong quá trình chấm điểm, nếu phát hiện bài dự thi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này, thành viên Ban Giám khảo kịp thời thông báo với Tổ Thư ký để tổng hợp, báo cáo Trưởng Ban Giám khảo xem xét, quyết định.

Điều 9. Phương pháp chấm điểm

và cách tính điểm bài dự thi

1. Việc chấm điểm bài dự thi được thực hiện theo đáp án, thang điểm do Ban Tổ chức cuộc thi của Trung ương công bố. Không trừ điểm đối với bài dự thi có từ viết tắt hoặc viết các nội dung khác với đáp án.

2. Trong trường hợp điểm của bài dự thi giữa các Giám khảo chênh lệch nhau đến 10 điểm thì điểm bài dự thi là điểm trung bình cộng của hai Giám khảo. Trường hợp điểm của bài dự thi giữa các Giám khảo chênh lệch nhau trên 10 điểm thì báo cáo Trưởng Ban Giám khảo để phân công 01 Giám khảo chấm lại. Điểm của bài dự thi là điểm trung bình cộng của 03 Giám khảo.

Điều 10. Quy trình chấm bài dự thi vòng sơ khảo

1. Bài dự thi vòng sơ khảo được chấm như sau:

a) Chấm điểm toàn bộ các bài dự thi hợp lệ (bài dự thi không thuộc trường hợp quy định tại Điều 7 Quy chế này);

b) Trưởng Ban Giám khảo tổ chức bốc thăm các cặp Giám khảo chấm bài dự thi (mỗi cặp 02 người); mỗi bài dự thi được 02 Giám khảo cùng cặp chấm độc lập và cho điểm trong phiếu chấm điểm bài dự thi;

c) Căn cứ kết quả chấm điểm của các cặp chấm, Tổ Thư ký giúp việc Ban Giám khảo lập danh sách bài dự thi theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp theo quy định của Thể lệ cuộc thi trình Trưởng Ban Giám khảo gửi Ban Tổ chức cuộc thi xem xét, quyết định lựa

chọn bài dự thi gửi về chấm ở vòng chung khảo hoặc xem xét, trao giải (nếu có).

2. Đối với các bài thi dự kiến gửi về chấm ở vòng chung khảo hoặc xem xét, trao giải (nếu có), Ban Tổ chức có thể quyết định chấm kiểm tra theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

3. Ban Tổ chức cuộc thi vòng sơ khảo xem xét, quyết định lựa chọn bài dự thi gửi về chấm ở vòng chung khảo hoặc trao giải (nếu có). Trường hợp bài dự thi có số điểm bằng nhau, việc xem xét, quyết định lựa chọn bài dự thi gửi về chấm ở vòng chung khảo hoặc trao giải do Ban Tổ chức cuộc thi quyết định theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 5 Điều 12 Quy chế này. Quyết định của Ban Tổ chức cuộc thi là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành.

Điều 11. Quy trình chấm bài dự thi vòng chung khảo

1. Bài dự thi vòng chung khảo được chấm như sau:

a) Chấm điểm toàn bộ bài dự thi hợp lệ do Ban Tổ chức cuộc thi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Tổ chức cuộc thi Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, bài dự thi của người Việt Nam ở nước ngoài được lựa chọn gửi về chấm chung khảo theo quy định của Thể lệ cuộc thi;

b) Trưởng Ban Giám khảo tổ chức bốc thăm các cặp Giám khảo chấm bài dự thi (mỗi cặp 02 người); mỗi bài dự thi được 02 Giám khảo cùng cặp chấm độc lập và cho điểm trong phiếu chấm

điểm bài dự thi;

c) Căn cứ kết quả chấm điểm của các cặp chấm, Tổ Thư ký giúp việc Ban Giám khảo lập danh sách bài dự thi theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp theo quy định của Thể lệ cuộc thi trình Trưởng Ban Giám khảo gửi Ban Tổ chức cuộc thi của Trung ương xem xét, quyết định lựa chọn bài dự thi đạt giải.

2. Đối với các bài dự thi dự kiến đạt giải, Ban Tổ chức cuộc thi của Trung ương có thể xem xét, quyết định chấm kiểm tra theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

3. Ban Tổ chức cuộc thi của Trung ương xem xét, quyết định trao giải thưởng đối với bài dự thi đạt giải ở vòng chung khảo. Trường hợp bài dự thi có số điểm bằng nhau, việc xem xét, quyết định trao giải thưởng do Ban Tổ chức cuộc thi của Trung ương quyết định theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 5 Điều 12 Quy chế này. Quyết định của Ban Tổ chức cuộc thi của Trung ương là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành.

Điều 12. Chấm kiểm tra, xếp giải vòng sơ khảo, chung khảo

1. Việc chấm kiểm tra vòng sơ khảo, chung khảo được thực hiện khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có khiếu nại, tố cáo về điểm bài dự thi;

b) Các thành viên Ban Giám khảo không thống nhất được số điểm chấm bài dự thi;

c) Ban Tổ chức cuộc thi xét thấy

cần thiết.

2. Việc chấm kiểm tra được thực hiện bởi 02 Giám khảo do Trưởng Ban Tổ chức cuộc thi lựa chọn trong số thành viên Ban Giám khảo chưa tham gia chấm bài dự thi đó. Quy trình chấm kiểm tra được thực hiện như chấm lần đầu.

3. Trong trường hợp có sự chênh lệch điểm giữa chấm kiểm tra và chấm lần đầu thì xử lý như sau:

a) Chênh lệch đến 10 điểm thì điểm của bài dự thi là điểm chấm lần đầu;

b) Chênh lệch trên 10 điểm đến dưới 15 điểm sẽ lấy điểm trung bình cộng của 02 lần chấm;

c) Chênh lệch từ 15 điểm trở lên sẽ tổ chức đối thoại giữa 02 cặp chấm. Điểm sau đối thoại và quyết định của Trưởng Ban Giám khảo sẽ là điểm cuối cùng của bài dự thi.

Trong trường hợp Ban Tổ chức cuộc thi của Trung ương thực hiện việc chấm kiểm tra đối với bài dự thi đã được chấm tại vòng sơ khảo thì điểm của bài dự thi là điểm chấm kiểm tra.

4. Đối với các bài dự thi tham gia vòng chung khảo được dự kiến trao giải đặc biệt, nhất, nhì phải được chấm

kiểm tra bởi Hội đồng Giám khảo gồm 5 người. Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể thực hiện việc chấm kiểm tra theo quy trình như sau:

a) Từng thành viên Giám khảo đọc bài dự thi, cho điểm độc lập từng bài;

b) Hội đồng Giám khảo thảo luận, đánh giá;

c) Căn cứ kết quả thảo luận, Hội đồng Giám khảo cho điểm vào phiếu điểm và chuyển cho Tổ Thư ký tổng hợp;

d) Điểm cuối cùng để làm cơ sở xét giải là điểm trung bình cộng của 5 thành viên Hội đồng Giám khảo.

5. Trong trường hợp các bài dự thi có số điểm bằng nhau và nhiều hơn số lượng giải dự kiến trao theo quy định của Thể lệ thì việc xếp giải thưởng được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Bài dự thi có số điểm cao hơn ở câu 9;

b) Bài dự thi được trình bày công phu, sáng tạo, sinh động, có nhiều tranh ảnh, tư liệu minh họa;

c) Bài dự thi đáp ứng được các tiêu chí khác do Ban Tổ chức cuộc thi quyết định./.

**TM. BAN TỔ CHỨC CUỘC THI
TRƯỞNG BAN**

(Đã ký)

**THỨ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
Nguyễn Thúy Hiền**